

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



**HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN
ĐINH VŨ HUYỀN**

Lớp : LKT 12 - 01 khóa:12

**TÊN ĐỀ TÀI
GIẢI PHÁP VỀ KỸ NĂNG NHẬN, PHÂN TÍCH
BẢN ÁN CỦA TÒA ÁN KHI RA QUYẾT ĐỊNH THI
HÀNH ÁN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

Giảng viên hướng dẫn: ThS : Nguyễn Ngọc Lan

HÀ NỘI 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



**HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN
ĐINH VŨ HUYỀN**

Lớp : LKT 12-01 khóa:12

**TÊN ĐỀ TÀI
GIẢI PHÁP VỀ KỸ NĂNG NHẬN, PHÂN TÍCH
BẢN ÁN CỦA TÒA ÁN KHI RA QUYẾT ĐỊNH THI
HÀNH ÁN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Giảng viên hướng dẫn: ThS Nguyễn Ngọc Lan

Nơi thực hiện đề tài: Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội

Thời gian thực hiện: từ đến ...

HÀ NỘI 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài nghiên cứu “***Giải pháp kỹ năng nhận và phân tích bản án, quyết định của tòa án trong thi hành án dân sự***” là nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả trong luận văn là hoàn toàn trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

Tác giả

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành được luận văn này, trước tiên, tôi xin được gửi lời cảm ơn đến tất cả quý thầy cô đã giảng dạy trong chương trình đào tạo ngành Luật Kinh Tế - Trường Đại học Đại Nam, những người đã truyền đạt cho tôi kiến thức hữu ích nói chung và về Pháp luật Việt Nam nói riêng làm cơ sở cho tôi thực hiện khóa luận này.

Tôi xin chân thành cảm ơn ThS. Nguyễn Ngọc Lan – người hướng dẫn khoa học đã tận tình hướng dẫn cho tôi trong suốt thời gian thực hiện khóa luận này. Với sự quan tâm chỉ bảo và sự góp ý chân thành của cô đã cho tôi rất nhiều kinh nghiệm trong quá trình thực hiện cũng như có thể tiến bộ hơn trong những bước nghiên cứu tiếp theo.

Tôi xin gửi lời cảm ơn đến Ban Giám hiệu trường Đại học Đại Nam và các phòng chuyên môn, các thầy cô giáo cùng các anh chị, cán bộ tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã tạo điều kiện, tận tình giúp đỡ tôi trong quá trình thu thập dữ liệu, thông tin của khóa luận.

Do thời gian có hạn và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học chưa nhiều nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến góp ý của Quý Thầy/Cô giúp tôi hoàn thiện luận văn này.

Xin trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn giải pháp.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Những đóng góp của khóa luận.	5
7. Kết cấu của khóa luận	6
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	7
1.1. Một số khái niệm chung về thi hành án	7
1.1.1. Khái niệm thi hành án	7
1.1.2. Đặc điểm của thi hành án	7
1.1.3. Khái niệm Thi hành án dân sự	8
1.1.4. Đặc điểm của thi hành án dân sự	9
1.1.6. Vai trò, ý nghĩa của thi hành án dân sự.....	10
1.1.7. Một số quy định pháp luật liên quan về thủ tục thi hành án dân sự.	11
1.1.8. Trình tự thủ tục thi hành án dân sự	13
1.2. Khái niệm về bản án.....	18
1.2.1. Khái niệm bản án.....	18
1.2.2. Đặc điểm của bản án	19
1.2.3. Căn cứ pháp lý xác định những bản án, quyết định được thi hành theo thủ tục thi hành án hình sự.	19
1.2.4. Những bản án, quyết định được thi hành theo thủ tục thi hành án hình sự ..	20

CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH VÀ NHỮNG SAI PHẠM HAY MẮC PHẢI KHI RA QUYẾT ĐỊNH THA	21
2.1. Vài nét khái quát về Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.....	21
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	21
2.1.2 Chức năng và nhiệm vụ của Ban văn phòng (Phòng Thụ lý)	22
2.1.3. Đặc điểm thi hành án của Cục Thi hành án	23
2.1.4. Kết quả chung giai đoạn từ năm 2018-2021	25
2.2. Thủ tục ra quyết định thi hành án.....	27
2.2.1. Kiểm tra điều kiện ra quyết định thi hành án.....	27
2.2.2. Soạn thảo quyết định thi hành án	31
2.3. Quy định của pháp luật về việc ra quyết định thi hành án	35
2.3.1. Thẩm quyền ra quyết định thi hành án hình sự.....	37
2.3.2. Thủ tục và thời hạn ra quyết định thi hành án hình sự.....	37
2.3.3. Giải thích, sửa chữa bản án, quyết định của toà án hình sự.....	37
2.3.4. Giải quyết kiến nghị đối với bản án, quyết định của toà án.....	38
2.4. Quy trình ra quyết định thi hành án	38
2.4.1. Lưu đồ	38
2.4.2. Mô tả quy trình.....	38
2.4.3. Mẫu sổ	45
2.5. Vi phạm trong việc ra quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án.....	45
2.6. Những khó khăn, vướng mắc từ thực tế khi nhận các bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành	48
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP VỀ KỸ NĂNG NHẬN, PHÂN TÍCH BẢN ÁN CỦA TÒA KHI RA QUYẾT ĐỊNH THA	53
3.1. Các kỹ năng được áp dụng để nhận và phân tích bản án, quyết định trong thi hành án dân sự.....	53
3.1.1. Kỹ năng nhận bản án, quyết định của Tòa án	53

3.2.2. Kỹ năng phân tích bản án, quyết định.....	56
3.3. Kết quả, hiệu quả của giải pháp	60
3.4. Phạm vi tác dụng, ảnh hưởng của kết quả, hiệu quả mang lại.....	60
PHẦN KẾT LUẬN	61
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	63

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

- CHV: Chấp hành viên
- CTHADS: Cục Thi hành án dân sự
- DSST: Dân sự sơ thẩm
- DSPT: Dân sự phúc thẩm
- HD: Hướng dẫn
- HS: Hồ sơ
- QĐ: Quyết định
- THA: Thi hành án
- THADS: Thi hành án dân sự
- TL: Thụ lý
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- TPL: Thừa phát lại
- UBND: Ủy ban nhân dân
- VKS: Viện kiểm sát
- VKSND: Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Tên bảng biểu	Trang
Kết quả THA về việc	30
Kết quả THA về tiền	31

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Lưu đồ quy trình ra quyết định thi hành án
2. Các mẫu biểu
 - Mẫu đơn yêu cầu thi hành án.
 - Mẫu giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
 - Mẫu ghi và chốt sổ nhận bản án, quyết định
 - Mẫu ghi và chốt sổ nhận yêu cầu thi hành án
 - Mẫu danh sách bàn giao hồ sơ xong
 - Ghi và chốt sổ giao án cho chấp hành viên
 - Mẫu danh sách bàn giao hồ sơ xong giữa văn phòng và phòng thẩm tra
 - Mẫu biên bản bàn giao hồ sơ xong giữa văn phòng và phòng thẩm tra

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn giải pháp

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thi hành án, trong đó nội dung Bản án, Quyết định của Tòa án có một vai trò đặc biệt quan trọng. Một phán quyết đúng, chính xác, rõ ràng là điều kiện để việc thi hành phán quyết được thuận lợi. Tuy nhiên trong thực tiễn, vấn đề nhận và phân tích bản án, quyết định của Tòa án trong thi hành án dân sự để ra quyết định thi hành án, tổ chức giải quyết hồ sơ vụ việc vẫn còn nhiều bất cập.

Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: *“Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”*. Theo đó, mọi bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành. Theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 những bản án, quyết định được thi hành theo Luật này bao gồm:

Bản án, quyết định quy định tại Điều 1 của Luật THADS đã có hiệu lực pháp luật: Bản án, quyết định hoặc phần bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; Bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm; Quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Tòa án; Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài đã được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam; Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh mà sau 30 ngày, kể từ ngày có hiệu lực pháp luật đương sự không tự nguyện thi hành, không khởi kiện tại Tòa án; Phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại; Quyết định của Tòa án giải quyết phá sản.

Những bản án, quyết định sau đây của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị: Bản án, quyết định về cấp dưỡng, trả lương, trả công lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp mất sức lao động hoặc bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tổn thất về tinh

thần, nhận người lao động trở lại làm việc; Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.”

Như vậy, phạm vi bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo Luật THADS là rất lớn. Tuy nhiên chất lượng các bản án, quyết định của Tòa án ban hành vẫn còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thi hành án. Do đó, đòi hỏi mỗi cán bộ làm công tác thi hành án dân sự cần phải trau dồi kỹ năng nhận và phân tích bản án, quyết định của Tòa án để vận dụng vào thực tiễn giải quyết hồ sơ thi hành án.

Tại địa bàn nghiên cứu là Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Theo kết quả báo cáo và thống kê của Cục về số quyết định thi hành án được ra trong năm từ ngày 1/10/2020 đến 30/9/2021 là 1571 Quyết định thi hành án trong đó có : 689 Quyết định chủ động, 882 Quyết định theo đơn yêu cầu của đương sự.

Như vậy với thống kê trên phần nào cho thấy hàng năm Cục Thi hành án phải ra trên 1000 Quyết định thi hành án mỗi năm trong đó bao gồm Quyết định thi hành án các vụ việc về Dân sự, Hình sự, Trọng Tài thương mại, Hôn nhân và gia đình.v.v.. Việc ra quyết định thi hành là một công đoạn vô cùng quan trọng trong công tác thi hành án. Để ra một quyết định thể hiện được đúng phán quyết của Thẩm phán ,Tòa án trong mỗi bản án đòi hỏi các cán bộ trong ban Văn Phòng nói chung và cán bộ tại phòng Thụ lý nói riêng cần có kiến thức, kỹ năng đọc bản án, quyết định của tòa án để có thể đưa ra một Quyết định chính xác nhất

Xuất phát từ thực tiễn trên, việc lựa chọn đề tài “**Giải pháp về kỹ năng nhận và phân tích bản án, quyết định của Tòa án trong thi hành án dân sự**” là cần thiết và có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong những năm gần đây, có rất nhiều đề tài báo cáo thực tập, báo cáo Nghiên cứu khoa học, Luận văn, Luận án lựa chọn đề cập đến các vấn đề về việc thi hành án. Tuy nhiên, các đề tài thường tập trung nghiên cứu về các vấn đề như: thủ tục thi hành án, hoãn thi hành án, kê biên tài sản,... Các vấn đề về ra quyết định thi hành án thường ít được quan tâm và tìm hiểu kỹ. Do đó, đề tài “ *Giải pháp về*

việc nhận, phân tích bản án, quyết định của Tòa án trong thi hành án dân sự “ là đề tài khá mới.

Các đề tài nghiên cứu của các tác giả đều bày tỏ quan điểm suy nghĩ về vấn đề này một cách khoa học, cụ thể hấp dẫn. Bản thân em sau khi đọc và nghiên cứu các công trình nghiên cứu này nhận thấy rằng việc ra quyết định đúng quy định, thời hạn vô cùng quan trọng để Chấp hành viên có thể thi hành án nhanh chóng và chính xác.

Một số công trình nghiên cứu tương tự:

- 1, Luận văn tốt nghiệp ngành Luật của tác giả Phan Thị Hoài về “Thực trạng và những kiến nghị thi hành án dân sự ở huyện Tương Dương, Nghệ An”
- 2, Luận văn thạc sĩ luật học của tác giả Lê Anh Tuấn về “ Đổi mới thủ tục thi hành án dân sự ở Việt Nam”
- 3, Luận văn thạc sĩ luật học của tác giả Đặng Quang Thắng về “ Một số vấn đề lý luận và thực tiễn thi hành án phạt tù ở Việt Nam”
4. Luận văn thạc sĩ luật học của tác giả Nguyễn Thanh Thủy về “ Hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự”

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Giải pháp này áp dụng với công chức Văn phòng thuộc Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.
- Để thực hiện tốt công tác thụ lý hồ sơ yêu cầu thi hành án, đáp ứng yêu cầu công tác của đơn vị

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu hệ thống lí luận có liên quan đến việc ra quyết định thi hành án dân sự

Khảo sát thực trạng việc thi hành án và ra quyết định thi hành án tại địa phương cụ thể là Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Đề xuất một số biện pháp nhằm giúp cán bộ, công nhân viên chức của Thi hành án nói chung và Cục Thi hành án Hà Nội nói riêng nhằm thực hiện tốt công tác ra quyết định thi hành án.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Các Quyết định thi hành án về các lĩnh vực hình sự, dân sự, kinh tế, hôn nhân và gia đình, thương mại.
- Các cán bộ làm công tác thụ lý tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

4.2.1 Giới hạn về thời gian nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: từ năm 2018 - năm 2021

4.2.2 Giới hạn về không gian

Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội

4.2.3 Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu tình hình của Cục THADS Thành phố Hà Nội, vai trò thi hành án và vai trò của việc nhận và phân tích bản án trong việc ra quyết định thi hành án, những yếu tố tác động đến việc ra quyết định thi hành án.

5. Phương pháp nghiên cứu.

5.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu.

Là phương pháp thu thập dựa trên nguồn thông tin sơ cấp và thứ cấp thu thập được từ những tài liệu nghiên cứu công trình khoa học, sách, báo được thống kê và nghiên cứu chính thức trước đây để xây dựng cơ sở luận cứ để chứng minh giả thuyết về các vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

Với đề này phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu được áp dụng để thu thập thông tin từ các công trình liên quan đến thi hành án. Trên cơ sở đó, tác giả tiến hành phân tích, so sánh, tổng hợp các khái niệm về thi hành án, cách phân loại

các quyết định thi hành án; các yếu tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định thi hành án; lý luận về ra quyết định thi hành án; các yếu tố trên làm cơ sở lý luận cho việc xác định những yếu tố ảnh hưởng đến việc nhận và phân tích bản án trước khi ra quyết định thi hành án.

5.2. Phương pháp quan sát.

Là phương pháp tri giác có mục đích, có kế hoạch một sự kiện, hiện tượng, quá trình (hay hành vi cử chỉ của con người) trong những hoàn cảnh tự nhiên khác nhau nhằm thu thập những số liệu, sự kiện cụ thể đặc trưng cho quá trình diễn biến của sự kiện, hiện tượng đó.

Trong đề tài này phương pháp quan sát được thực hiện nhằm quan sát các cán bộ chuyên môn đọc, phân tích và ra quyết định thi hành án. Từ những quan sát này, tác giả phân tích và đưa ra đánh giá về những khó khăn và vướng vấp khi ra một quyết định thi hành án.

5.3. Phương pháp thống kê toán học.

Là phương pháp phân tích kết quả khảo sát để thông qua thống kê toán học để xử lý số liệu thu thập được từ các tài liệu thu thập được.

Trong đề tài này, sử dụng phương pháp phân tích định tính để khái quát tài liệu giúp hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc nhận và phân tích bản án của Toàn khi ra quyết định thi hành án. Sử dụng phương pháp phân tích định lượng để xử lý kết quả của những câu hỏi đóng.

6. Những đóng góp của khóa luận.

Giải pháp được tổ chức thực hiện không chỉ áp dụng trong cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội mà còn được áp dụng trong phạm vi Hệ thống Thi hành án dân sự toàn quốc để cán bộ làm công tác thụ lý nghiên cứu kỹ, toàn diện bản án để từ đó tham mưu ban hành quyết định thi hành án chính xác. Đồng thời, kịp thời phát hiện những sai sót, điểm chưa phù hợp để yêu cầu Tòa án giải thích, đính chính bản án, quyết định, giúp cho quá trình giải quyết hồ sơ của Chấp hành viên diễn ra thuận lợi, nhanh chóng.

7. Kết cấu của khóa luận

Kết cấu của bài báo cáo gồm 3 phần:

Chương 1: Cơ sở lý luận về thi hành án.

Chương 2: Quy trình ra quyết định thi hành án và những vi phạm hay mắc phải khi ra quyết định thi hành án

Chương 3: Giải pháp về kỹ năng nhận, phân tích bản án của Tòa án khi ra quyết định thi hành án.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

1.1. Một số khái niệm chung về thi hành án

1.1.1. Khái niệm thi hành án

Dưới góc độ ngôn ngữ, thì thi hành là việc thực hiện điều đã chính thức quyết định. Trong thuật ngữ luật học thì thi hành án (tiếng Anh là: **“Judgment execution”**) được hiểu là thực hiện bản án, quyết định của tòa án, là việc đưa các bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật ra thi hành trên thực tế. Bản án, quyết định là văn bản pháp lý của Tòa án tuyên tại phiên tòa, giải quyết các vấn đề trong vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, lao động, hành chính,... Tuy nhiên, dưới góc độ này thì góc độ tiếp cận thi hành án còn hẹp, vì không chỉ có bản án, quyết định của Tòa án cần được thi hành mà còn có quyết định của Trọng tài, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh cũng cần được thi hành.

Quan điểm tiếp cận thi hành án với góc độ bao quát nhất thì Thi hành án là thủ tục tổ tụng tư pháp do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền tiến hành để thi hành bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan Nhà nước, tổ chức khác do pháp luật quy định nhằm bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp cả các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

1.1.2. Đặc điểm của thi hành án

Thứ nhất, cơ sở hoạt động của Thi hành án chủ yếu là các bản án, quyết định dân sự của Tòa án. Các bản án, quyết định dân sự có hiệu lực thi hành bao gồm bản án, quyết định dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hình phạt tiền, tịch thu tài sản, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, tài sản, án phí và quyết định dân sự trong bản án, quyết định hình sự, phân tài sản trong bản án, quyết định hành chính của Tòa án, quyết định của Tòa án giải quyết phá sản, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có liên quan đến tài sản của bên tranh chấp phải thi hành và phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại.

Thứ hai, thi hành án là giai đoạn kế tiếp sau giai đoạn xét xử, có mối quan hệ mật thiết, đan xen với các giai đoạn tố tụng trước đó. Tuy nhiên, thi hành án lại có tính độc lập tương đối thể hiện ở chỗ hoạt động này được bắt đầu bằng quyết định thi hành án của người có thẩm quyền. Những quyết định này mang tính bắt buộc chấp hành đối với tất cả chủ thể có trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án.

Thứ ba, thi hành án và các giai đoạn tố tụng trước đó có mối quan hệ nhân quả với nhau. Nếu bản án, quyết định của Tòa án tuyên rõ ràng, cụ thể thì việc thi hành án sẽ dễ dàng, nhanh chóng. Ngược lại, nếu bản án, quyết định đó không rõ ràng, không khách quan, thiếu tính khả thi Ngay khó khăn cho việc thi hành án. Đồng thời, việc thi hành án nhanh chóng, kịp thời sẽ có tác động tích cực trở lại đối với hoạt động xét xử, góp phần củng cố, tăng cường uy tín của cơ quan xét xử.

Thứ tư, bản chất của thi hành án là dạng hoạt động chấp hành nhưng là chấp hành phán quyết của cơ quan xét xử với các cách thức và biện pháp khác nhau nhằm buộc người có nghĩa vụ được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án phải thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình. Mục đích cuối cùng của thi hành án là bảo đảm cho các quyết định của Tòa án được ghi trong bản án, quyết định được thực thi trên thực tế chứ không phải là ra văn bản áp dụng pháp luật hoặc quyết định có tính điều hành.

1.1.3. Khái niệm Thi hành án dân sự

Thi hành án dân sự xuất phát và gắn liền với hoạt động xét xử của Tòa án, trọng tài, hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh. Thi hành án dân sự gắn liền với hoạt động xét xử, giải quyết tranh chấp vì xét xử, giải quyết tranh chấp và thi hành án dân sự là hai mặt của quá trình bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Xét xử, giải quyết tranh chấp là tiền đề của thi hành án dân sự, không có xét xử thì không có thi hành án dân sự. Thi hành án dân sự tiếp nối với xét xử làm cho bản án, quyết định có hiệu lực trên thực tế.

Từ đó có thể hiểu thi hành án dân sự là một dạng hoạt động tư pháp trong việc thực hiện bản án, quyết định dân sự của Tòa án và các quyết định của các cơ quan, tổ chức khác được đưa ra thi hành theo quy định của pháp luật.

Thông qua thi hành án dân sự, người phải thi hành án phải thực hiện các nghĩa vụ về tài sản của họ và người được thi hành án dân sự sẽ nhận được các quyền, lợi ích về tài sản.

1.1.4. Đặc điểm của thi hành án dân sự

Bên cạnh những đặc điểm chung của thi hành án, thì thi hành án dân sự còn có những đặc điểm riêng như:

Thứ nhất, thi hành án dân sự là một dạng hoạt động mang tính hành chính – tư pháp của nhà nước, thể hiện quyền lực nhà nước, do Chi cục thi hành án dân sự và Thừa phát lại thực hiện, bảo đảm hiệu lực thực tế của các bản án, quyết định về dân sự của Tòa án bằng các biện pháp cưỡng chế nhà nước. Tính quyền lực nhà nước trong thi hành án dân sự được thể hiện chỗ, cơ quan, tổ chức thi hành án dân sự có quyền ra quyết định thi hành án dân sự, buộc các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan phải tuân thủ, nghiêm chỉnh chấp hành. Trong trường hợp người phải thi hành án dân sự không tự nguyện thi hành án dân sự thì cơ quan, tổ chức thi hành án dân sự có quyền áp dụng các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự, buộc người phải thi hành án dân sự phải chấp hành bản án, quyết định dân sự có hiệu lực thi hành.

Thứ hai, thi hành án dân sự chủ yếu là thi hành các quyết định của Tòa án mang tính chất tài sản – đặc trưng của quan hệ dân sự, vì vậy, quyền tự định đoạt của đương sự luôn được tôn trọng trong suốt quá trình thi hành án. Điều này khác với thi hành án hình sự, người được thi hành án trong thi hành án dân sự luôn giữ vai trò chủ động, có quyền quyết định việc có đưa ra yêu cầu thi hành án hay không? Đưa ra quyết định vào thời điểm nào (miễn là trong thời hiệu quy định), yêu cầu thi hành án một phần hay toàn bộ quyết định của bản án,... Trong thi hành án dân sự, các bên có quyền thỏa thuận với nhau về thời gian, địa điểm, phương

thức thi hành án, song việc thỏa thuận đó phải phù hợp, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội .

Thứ ba, chủ thể thực hiện hoạt động thi hành án dân sự là cơ quan, tổ chức thi hành án dân sự mà cụ thể là các chấp hành viên hoặc các thừa phát lại.

Thứ tư, Cơ quan thi hành án có thể lựa chọn biện pháp thích hợp để việc thi hành án được nhanh chóng, đạt hiệu quả trên cơ sở thỏa thuận của các đương sự. Trong những trường hợp này việc thi hành án không nhất thiết phải theo đúng như nội dung quyết định của bản án mà Tòa án đã trên.

Đối tượng thi hành án dân sự trước hết phải là các bản án, quyết định giải quyết các vụ việc dân sự, hình phạt tiền, tịch thu tài sản, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, tài sản, án phí và quyết định dân sự trong bản án, quyết định hình sự, phần tài sản trong bản án, quyết định hành chính của tòa án, bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài được Tòa án công nhận và cho thi hành ở Việt Nam, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có liên quan đến tài sản của bên phải thi hành án của hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh và quyết định của trọng tài Việt Nam.

Thi hành án dân sự là giai đoạn kế tiếp sau giai đoạn xét xử, có mối quan hệ mật thiết, đan xen với các giai đoạn tố tụng trước đó. Thi hành án dân sự là hoạt động có sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức như Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan công an, các tổ chức tín dụng- ngân hàng, cơ quan- đơn vị người phải thi hành án làm việc,...

1.1.6. Vai trò, ý nghĩa của thi hành án dân sự

Thi hành có dân sự có vai trò, ý nghĩa quan trọng, theo đó, Bản án, quyết định của Tòa án chỉ thực sự có giá trị khi được thi hành trên thực tế nhằm bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và nhà nước, góp phần giữ vững ổn định chính trị- xã hội, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước. Đồng thời giúp cho việc phát triển những khiếm khuyết của các quy định của pháp luật trên cơ sở đó kiến nghị sửa đổi, bổ

sung các quy định pháp luật, đồng thời kiểm tra lại quá trình xét xử trước đó để rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xét xử.

Thi hành án dân sự góp phần thúc đẩy và giải phóng các nguồn lực để thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Thi hành án dân sự có tác dụng quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho người dân, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, tạo niềm tin của người dân vào tính nghiêm minh của pháp luật, củng cố quyền lực nhà nước.

1.1.7. Một số quy định pháp luật liên quan về thủ tục thi hành án dân sự.

1.1.7.1. Thẩm quyền thi hành án:

Đối với bản án dân sự sơ thẩm của tòa án nhân dân cấp huyện, thì thẩm quyền thi hành án có thể là:

- Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cấp tỉnh (đối với trường hợp xét thấy cần lấy lên thi hành án)
- Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án cấp huyện nơi khác; cấp tỉnh hoặc cơ quan thi hành án cấp tỉnh hoặc cơ quan thi hành án cấp quân khu ủy thác.

1.1.7.2. Yêu cầu thi hành án:

Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án.

**Đơn yêu cầu thi hành án gồm các nội dung chính sau đây:*

- + Họ, tên, địa chỉ của người yêu cầu;
- + Tên cơ quan thi hành án dân sự nơi yêu cầu;
- + Họ, tên, địa chỉ của người được thi hành án; người phải thi hành án;
- + Nội dung yêu cầu thi hành án;

+ Thông tin về tài sản hoặc điều kiện thi hành án của người phải thi hành án.

1.1.7.3. Quyết định thi hành án:

– Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được bản án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án phải ra quyết định thi hành án đối với các trường hợp sau:

- + Hình phạt tiền, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, án phí;
- + Trả lại tiền, tài sản cho đương sự;
- + Tịch thu sung quỹ nhà nước, tịch thu tiêu huỷ vật chứng, tài sản;
- + Thu hồi quyền sử dụng đất và tài sản khác thuộc diện sung quỹ nhà nước;
- + Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

– Ngoài các trường hợp này ra thì thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự chỉ ra quyết định thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

– Quyết định thi hành án phải được gửi cho VKS cùng cấp.

– Nếu là quyết định cưỡng chế thi hành án thì cơ quan thi hành án phải gửi cho UBND nơi tổ chức thi hành án.

1.1.7.4. Xác minh điều kiện thi hành án.

– Xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án là thủ tục bắt buộc đối với cơ quan thi hành án nếu trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành.

– Nếu trong trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án thì ít nhất 6 tháng một lần Chấp hành viên phải xác minh điều kiện thi hành án.

– Trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án là người đang chấp hành hình phạt tù mà thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại từ 02 năm trở lên hoặc không xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới của người phải thi hành án thì thời hạn xác minh ít nhất 01 năm một lần. Sau hai lần xác minh mà người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản cho người được thi hành án về kết quả xác minh.

Việc xác minh lại được tiến hành khi có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án.

1.1.7.5. Thời gian tự nguyện thi hành án.

- 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án.

1.1.7.6. Cường chế thi hành án.

– Nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì lúc này cơ quan thi hành án có quyền cưỡng chế thi hành án.

Lưu ý: Không cưỡng chế trong khung giờ từ 22 giờ đến 6 giờ.

1.1.7.7. Các biện pháp bảo đảm thi hành án được áp dụng.

- Phong tỏa tài khoản;
- Tạm giữ tài sản, giấy tờ;
- Tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng về tài sản.

1.1.7.8. Thứ tự thanh toán tiền thi hành án.

a) Tiền cấp dưỡng; tiền lương, tiền công lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp mất sức lao động; tiền bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tổn thất về tinh thần;

b) Án phí, lệ phí Tòa án;

c) Các khoản phải thi hành án khác theo bản án, quyết định.

1.1.8. Trình tự thủ tục thi hành án dân sự

Sau khi ra quyết định, bản án thì Tòa án có trách nhiệm chuyển giao quyết định, bản án này kèm theo bản sao biên bản về việc kê biên, tạm giữ tài sản, thu giữ vật chứng hoặc tài liệu khác có liên quan (nếu có) cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thi hành án. Theo quy định tại Luật thi hành án dân sự, trình tự, thủ tục thi hành án dân sự được thực hiện ở cơ quan thi hành án như sau:

Bước 1: Ra quyết định thi hành án

Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự chủ động hoặc khi có yêu cầu thi hành án thì ra quyết định thi hành án. Thời hạn ra quyết định thi hành án như sau:

+ Tối đa là 05 ngày làm việc, tính từ ngày nhận được quyết định, bản án của Tòa án đối với phần bản án, quyết định sau: hình phạt tiền, truy thu tiền, án phí, lệ phí Tòa án, tài sản thu lợi bất chính; trả lại tiền hoặc tài sản cho đương sự; tịch thu vật chứng, tài sản (kể cả quyền sử dụng đất) để sung công quỹ hoặc tiêu hủy; thực hiện các khoản thu khác cho Nhà nước.

Ngay sau thời điểm ra quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời

+ Tối đa là 03 ngày làm việc, tính từ ngày nhận được quyết định về việc giải quyết phá sản của Tòa án.

+ Tối đa là 05 ngày làm việc, tính từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự về việc thi hành án.

Bước 2: Gửi quyết định về thi hành án

Sau khi ra quyết định thi hành án thì cơ quan thi hành án gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc. Đối với quyết định cưỡng chế thi hành án, ngoài Viện kiểm sát thì cơ quan thi hành án phải gửi cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) hoặc cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành án.

Bước 3: Thông báo về thi hành án

Cùng với việc gửi quyết định thi hành án cho Viện kiểm sát cùng cấp thì cơ quan thi hành án phải thông báo cho đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện quyền, nghĩa vụ. Ngoài quyết định thì một số văn bản sau cũng phải thông báo: giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành án.

Trừ trường hợp cần ngăn chặn đương sự tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án thì việc thông báo này phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc. Cơ quan thi hành án có thể lựa chọn một trong các hình thức sau để thông báo:

+ Niêm yết công khai: thường được áp dụng khi người phải thi hành án không có nơi cư trú rõ ràng, cơ quan thi hành án sẽ gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng để thực hiện niêm yết.

+ Thông báo qua phương tiện thông tin đại chúng: thường được áp dụng khi cá nhân, tổ chức, cơ quan là đương sự có yêu cầu. Việc thông báo được thực hiện trên báo ngày, đài phát thanh, đài truyền hình được thành lập hợp pháp tại Việt Nam.

+ Gửi thông báo bằng văn bản: đây là hình thức thông báo được áp dụng nhiều nhất. Văn bản thông báo phải gửi trực tiếp cho cá nhân (phải có chữ ký hoặc điểm chỉ xác nhận), cho cơ quan, tổ chức (phải có chữ ký nhận của người đại diện theo pháp luật hoặc người có trách nhiệm nhận văn bản).

Bước 4: Xác minh điều kiện thi hành án

Việc xác minh điều kiện thi hành án được chia làm hai trường hợp như sau:

+ Nếu thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án:

Chấp hành viên phải thực hiện xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án.

+ Nếu thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án theo yêu cầu:

Trong trường hợp đương sự mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp có thể nhưng vẫn không thể tự xác minh được điều kiện thi hành án thì có thể yêu cầu Chấp hành viên thực hiện xác minh điều kiện thi hành án của mình. Việc yêu cầu Chấp hành viên hỗ trợ xác minh điều kiện thi hành án cần được lập thành văn bản trong đó phải liệt kê tất cả biện pháp mà người có yêu cầu đã áp dụng mà không có kết quả và nộp kèm theo các tài liệu, chứng cứ.

Việc xác minh phải được thực hiện ngay nếu quyết định thi hành án dân sự là quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, còn trong các trường hợp còn lại thì thời hạn xác minh là 10 ngày, kể từ ngày chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu xác minh điều kiện thi hành án. Việc xác minh phải được lập thành biên bản trong đó phải nêu đầy đủ kết quả xác minh và có xác

nhận của tổ trưởng tổ dân phố hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức nơi tiến hành xác minh.

Bước 5: Thi hành án

Việc thi hành án sẽ được tiến hành trên cơ sở tự nguyện của người phải thi hành án, nếu hết thời hạn mà pháp luật quy định mà không tự nguyện thực hiện quyết định thi hành án thì cơ quan thi hành án sẽ cưỡng chế thực hiện.

Theo Luật Thi hành án dân sự quy định, người phải thi hành án trong thời hạn 10 ngày được tự nguyện thực hiện quyết định thi hành án, thời hạn được tính bắt đầu từ ngày người phải thi hành án nhận được thông báo hợp lệ về quyết định thi hành án.

Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án được tự nguyện thi hành quyết định thi hành án trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án. Nếu người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án thì Chấp hành viên có quyền áp dụng các biện pháp để bảo đảm cho việc thi hành án (như: phong tỏa tài sản, tạm giữ giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, hạn chế mọi giao dịch pháp lý liên quan đến tài sản). Khi áp dụng các biện pháp này, Chấp hành viên cần đưa ra quyết định bằng văn bản nêu rõ lý do và biện pháp áp dụng.

Khi hết thời gian tự nguyện thi hành án, tuy rằng người phải thi hành án có điều kiện thi hành nhưng không thực hiện quyết định thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án. Hình thức thi hành án bằng biện pháp cưỡng chế còn có thể được Chấp hành viên áp dụng khi quyết định hay bản án của Tòa án có quy định.

Việc tổ chức cưỡng chế phải được thực hiện trong các ngày làm việc bình thường trong khoảng thời gian bắt đầu từ 06 giờ đến 22 giờ. Không được cưỡng chế thi hành án trong các ngày nghỉ, ngày lễ mà Chính phủ đã quy định; trong thời gian từ sau 22 giờ đến trước 06 giờ ngày kế tiếp của các ngày làm việc bình thường và có thể trong một số trường hợp đặc biệt mà luật định.

Bước 6: Thanh toán tiền thi hành án

Việc thanh toán tiền, tài sản khi người phải thi hành án tự nguyện thực hiện quyết định thi hành án hay bị đưa ra quyết định cưỡng chế thi hành án đều được chi trả theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Đầu tiên là các chi phí thi hành án và tiền để người thi hành án giao nhà là nơi ở duy nhất (nếu bị cưỡng chế giao nhà mà Chấp hành viên nhận thấy số tiền còn lại sau khi thực hiện các nghĩa vụ thanh toán không đủ để người đó tìm kiếm nơi ở mới thì sẽ trích lại khoản tiền tương ứng với tiền thuê nhà trung bình trong 01 năm).

+ Sau khi đã trừ hai khoản trên thì số tiền thi hành án được chi trả cho tiền cấp dưỡng; tiền công lao động, tiền lương, các khoản trợ cấp theo quy định Bộ luật Lao động; tiền bồi thường thiệt hại theo quy định Bộ luật Dân sự. Tiếp theo là tiền án phí và cuối cùng là các khoản phải thi hành khác theo quyết định, bản án của Tòa án.

Trong trường hợp quyết định thi hành án được thi hành cho nhiều người, trong cùng một hàng thứ tự ưu tiên thanh toán thì những người được thi hành án sẽ được thanh toán dựa trên tỷ lệ số tiền mà họ được thi hành án.

Trong trường hợp số tiền thi hành án thu được từ quyết định cưỡng chế – thi hành án bắt buộc thì việc thi hành án cho nhiều người được ưu tiên cho những người đã có yêu cầu tính đến thời điểm có quyết định cưỡng chế. Những người được thi hành án còn lại được thanh toán số tiền còn lại theo quyết định thi hành án khác tính đến thời điểm thanh toán.

Sau khi hoàn thành hết tất cả nghĩa vụ thanh toán tiền để thực hiện quyết định thi hành án thì số tiền còn lại từ việc thanh lý tài sản sẽ được trả cho người phải thi hành án.

Trong trường hợp giải quyết phá sản thì việc thanh toán tiền thực hiện quyết định thi hành án được thực hiện theo thứ tự quy định pháp luật về phá sản.

Trong trường hợp việc bán tài sản cầm cố, thế chấp hoặc bán tài sản theo quyết định, bản án áp dụng biện pháp kê biên tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa

vụ thì số tiền thu được sau khi trừ các chi phí về thi hành án được ưu tiên thanh toán cho các nghĩa vụ được bảo đảm.

Bước 7: Kết thúc thi hành án

Việc kết thúc thi hành án được diễn ra khi có một trong các quyết định sau: Quyết định của cơ quan thi hành án về việc trả đơn yêu cầu thi hành án; Quyết định của cơ quan thi hành án về việc đình chỉ thi hành án; Giấy tờ, tài liệu chứng minh đương sự đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ của mình trong quyết định thi hành án.

Đương sự trong vụ việc hay vụ án dân sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xác nhận kết quả thi hành án trong vụ việc hay vụ án dân sự đó khi người phải thi hành án đã thực hiện xong quyết định thi hành án. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án cho đương sự trong thời hạn 05 ngày làm việc, bắt đầu tính từ ngày nhận được yêu cầu.

1.2. Khái niệm về bản án

1.2.1. Khái niệm bản án

Thuật ngữ “bản án” được sử dụng lần đầu tiên tại Sắc lệnh thiết lập các toà án quân sự ngày 13.9.1945. Tuy nhiên, đến ngày 3.3.1969 Toà án nhân dân tối cao mới ban hành Thông tư số 1-UB hướng dẫn về cơ cấu bản án và cách viết bản án.

Bản án đánh dấu sự kết thúc toàn bộ quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cho nên nội dung của nó phải phản ánh những kết quả của phiên tòa và ý kiến phân tích, đánh giá của hội đồng xét xử. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có nhiệm vụ viết bản án. Ở một số nước, thuật ngữ bản án chỉ dùng trong trường hợp xét xử vụ án hình sự, còn trong việc giải quyết vụ kiện dân sự thì văn bản ghi nhận quyết định của toà án tuyên xử gọi là quyết định của toà án. Ở Việt Nam, trong lĩnh vực hình sự cũng như dân sự đều dùng thuật ngữ chung là bản án. Bản án trong lĩnh vực hình sự gọi là bản án hình sự. Bản án trong lĩnh vực dân sự gọi là bản án dân sự.

1.2.2. Đặc điểm của bản án

+ Bản án là loại văn bản đặc trưng riêng và quan trọng nhất thể hiện thẩm quyền xét xử của Tòa án. Chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền ban hành văn bản này theo trình tự tố tụng chặt chẽ được quy định trong pháp luật tố tụng.

+ Bản án là văn bản chính thức của Nhà nước trong quan hệ với cá nhân, cơ quan và tổ chức

+ Bản án là một trong các văn bản tố tụng tư pháp với hình thức và bộ cục được lập theo mẫu thống nhất theo quy định của các luật tố tụng và nghị quyết của Hội đồng Thẩm pháp Tòa án nhân dân Tối cao.

+ Bản án một mặt vừa phải thể hiện các chứng cứ, tình tiết của vụ án và ý kiến của những người tham gia tố tụng, mặt khác cũng phải thể hiện quan điểm, kết luận của Tòa án về nội dung vụ án, về pháp luật áp dụng, đường lối xử lý, quyết định của Tòa án đối với các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

+ Bản án của Tòa án khi có hiệu lực pháp luật có giá trị thi hành, quyết định được tuyên trong bản án có tính chất mệnh lệnh của Nhà nước mà các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan buộc phải tuân theo

1.2.3. Căn cứ pháp lý xác định những bản án, quyết định được thi hành theo thủ tục thi hành án hình sự.

Căn cứ pháp lý xác định những bản án, quyết định được thi hành theo thủ tục thi hành án hình sự có nhiều văn bản quy phạm pháp luật, như Điều 106 Hiến pháp năm 2015 quy định: “Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.” Ngoài ra, Điều 28, Luật tố tụng hình sự 2015 quy định về bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án, theo đó:

1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

Tuy nhiên, căn cứ cụ thể để xác định những bản án, quyết định được thi hành theo thủ tục thi hành án hình sự là Điều Điều 2 Luật Thi hành án hình sự 2019.

1.2.4. Những bản án, quyết định được thi hành theo thủ tục thi hành án hình sự

Trên cơ sở kế thừa nội dung còn phù hợp, đồng thời để bảo đảm phù hợp với quy định mới của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 2 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định bản án, quyết định được thi hành như sau:

- Bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và đã có quyết định thi hành.

- Bản án, quyết định của Tòa án được thi hành ngay theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Quyết định của Tòa án tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam chấp hành án và đã có quyết định thi hành; quyết định của Tòa án chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài.

- Bản án, quyết định về áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh, giáo dục tại trường giáo dưỡng; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra đối với pháp nhân thương mại thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án hình sự.

TIÊU KẾT 1:

Nhìn chung ở chương 1, tôi đưa ra các khái quát chung về thi hành án. Đây là phần rất quan trọng làm căn cứ để đưa ra các Quyết định thi hành án. Bên cạnh đó tại chương 1, tôi có đưa ra khái niệm về bản án và những bản án, quyết định được thi hành án theo thủ tục pháp luật.

CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH VÀ NHỮNG SAI PHẠM HAY MẮC PHẢI KHI RA QUYẾT ĐỊNH THA

2.1. Vài nét khái quát về Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2021 đánh dấu chặng đường lịch sử 75 năm hình thành và phát triển của Thi hành án dân sự. Đây là dịp quan trọng để các thế hệ cán bộ, công chức và người làm công tác thi hành án dân sự trên phạm vi cả nước nói chung và thủ đô Hà Nội tổ chức ôn lại truyền thống vẻ vang của 75 năm hình thành và phát triển gắn liền với sự nghiệp đấu tranh, xây dựng và bảo vệ tổ quốc của toàn dân tộc; động viên khích lệ cán bộ, công chức nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tiếp thu, kế thừa và phát huy truyền thống, đề ra những phương hướng, giải pháp mới, sáng tạo, hiệu quả nhằm xây dựng Thi hành án dân sự đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sau đây là những dấu mốc quan trọng về quá trình hình thành và phát triển, những thành tựu đạt được của Thi hành án dân sự qua các giai đoạn:

- *Giai đoạn từ 1945 đến 1980*
- *Giai đoạn từ 1981 đến 1993*
- *Giai đoạn từ năm 1993 đến nay*

75 năm qua có thể khẳng định các cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội được sự quan tâm lãnh đạo của Bộ Tư pháp, Tổng cục Thi hành án dân sự, Lãnh đạo Thành phố Hà Nội và sự chỉ đạo của nhiều thế hệ các đồng chí Lãnh đạo Thành phố Hà Nội, tỉnh Hà Tây đã từng bước trưởng thành, phát triển.

Đứng trước những thời cơ, vận hội và thách thức mới, các cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội sẽ tiếp tục nỗ lực phấn đấu vượt khó khăn, thử thách, khắc phục hạn chế và tồn tại, chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, vận dụng đúng các quy định của pháp luật vào công tác bảo đảm chất lượng và hiệu quả cao nhất. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, thu hút sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể quần chúng tham gia vào

công tác thi hành án; tăng cường phối hợp chặt chẽ của các ngành hữu quan, nhất là các cơ quan tiến hành tố tụng và chính quyền cơ sở, nhất là đối với các vụ án điểm, vụ án phức tạp. Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đặc biệt là Luật thi hành án dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; chú trọng nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo nghiệp vụ, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong công tác thi hành án dân sự của các đơn vị trực thuộc; tăng cường công kiểm tra, kịp thời phát hiện những vi phạm, tiêu cực, có biện pháp uốn nắn, xử lý nghiêm minh, kiên quyết làm trong sạch đội ngũ công chức thi hành án, đồng thời có các hình thức biểu dương, khen thưởng kịp thời, thoả đáng đối với các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác thi hành án; phấn đấu tổ chức thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án được giao năm 2021 và những năm tiếp theo; đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa Thủ đô và đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

2.1.2 Chức năng và nhiệm vụ của Ban văn phòng (Phòng Thụ lý)

Văn phòng Cục là đơn vị thuộc Cục Thi hành án dân sự có chức năng tham mưu, giúp Cục trưởng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quản lý, kiểm tra các hoạt động của Cục, của các Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện, thị xã trực thuộc Thành phố; xây dựng, tổng hợp, đôn đốc, theo dõi tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Cục, các Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện, thị xã trực thuộc Thành phố; quản lý hoạt động truyền thông, thông tin, báo chí của Cục; công tác quản trị hành chính, văn thư, lưu trữ; quản lý cơ sở vật chất, tài sản, kinh phí, bảo đảm phương tiện, điều kiện làm việc phục vụ cho hoạt động chung của Cục và công tác quản trị nội bộ Cục theo quy định của pháp luật.

Công tác thụ lý thi hành án:

- Thực hiện việc nhận đơn yêu cầu thi hành án; nhận bản án, quyết định do Tòa án chuyển giao và soạn thảo quyết định thi hành án trình Cục trưởng theo quy định;

- Thực hiện việc lập, sử dụng, bảo quản sổ sách thi hành án và lưu trữ sổ sách, hồ sơ thi hành án theo quy định của Bộ Tư pháp;

2.1.3. Đặc điểm thi hành án của Cục Thi hành án

Cùng với sự phát triển chung của thành phố, công tác Thi hành án địa phương cũng luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sắc của cấp trên, sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành liên quan, tạo sự chuyển biến mới trong công tác thi hành án dân sự, góp phần giữ vững ổn định, an ninh chính trị, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương. Cơ quan Thi hành án dân sự ở thành phố Hà Nội từ chỗ là Phòng Thi hành án thuộc Sở Tư pháp thành phố, Đội Thi hành án thuộc Phòng Tư pháp trở thành hệ thống cơ quan tương đối độc lập. Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, Thi hành án dân sự cấp huyện là cơ quan chịu sự quản lý, chỉ đạo của Bộ Tư pháp về tổ chức, cán bộ, công chức, kinh phí, nghiệp vụ và chịu sự quản lý, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cùng cấp về mặt nhà nước theo quy định của pháp luật. Đến năm 2008, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, Nghị quyết số 15/2008/NQ - QH ngày 29/5/2008 của Quốc hội khoá XII, tháng 8/2008 về việc hợp nhất thành phố Hà Nội với tỉnh Hà Tây và huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc cùng 04 xã của huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, theo đó cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tây trước đây được hợp nhất thành Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Thứ nhất, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội luôn tập trung cao độ cho tổ chức việc thi hành án với những giải pháp hiệu quả. Hiểu được sự khó khăn, vất vả trong công tác thi hành án dân sự, đội ngũ chấp hành viên phải luôn suy nghĩ và dẫn đo áp dụng từng biện pháp sao cho phù hợp với pháp luật và bảo đảm lợi ích cho người dân, bao gồm cả phía người được thi hành án và người phải thi hành án. Đối với những vụ việc thi hành án phức tạp, gây bức xúc trong dư luận, công tác dân vận được vận dụng khéo léo với phương châm “thấu tình đạt lý”, nhằm làm cho đương sự tự nguyện thi hành án và bảo đảm sự đoàn kết trong cộng đồng.

Thứ hai, công tác tiếp nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản kê biên, tạm giữ được thực hiện đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Tổng cục. Đơn vị đã triển khai kịp thời Thông tư số 01/2017-BTP ngày 23/01/2017 của Bộ Tư pháp về quản lý kho vật chứng tài sản, các Công văn của Tổng cục THADS về quản lý kho vật chứng tới toàn thể các cán bộ trong đơn vị và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Cho đến nay trong kho vật chứng của đơn vị không còn các vật chứng, tài sản tồn kho lâu năm. Toàn bộ các vật chứng, tài sản tuyên tịch thu sung công, tiêu hủy, trả lại đương sự, quản lý để đảm bảo THA tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội đều đã giải quyết đúng quy định.

Thứ ba, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo

Cục THADS thành phố Hà Nội luôn chủ động phối hợp với Thanh tra thành phố nắm tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn huyện có liên quan đến việc THADS để xử lý kịp thời khi có vụ việc phát sinh. Ngoài ra, Cục THADS thành phố Hà Nội đã phân công lãnh đạo và cán bộ tiếp công dân thường xuyên. Đã vào sổ tiếp nhận đơn, tiếp, giải quyết kịp thời yêu cầu của công dân.

Thứ tư, việc xác minh, phân loại việc, tiền thi hành án

Đơn vị thường xuyên quán triệt tầm quan trọng của công tác xác minh, phân loại việc thi hành án. Việc xác minh được thực hiện thường xuyên kể cả những việc chưa có điều kiện THA để kịp thời nắm bắt những diễn biến của tình trạng đương sự, từ đó có biện pháp giải quyết phù hợp. Việc phân loại việc, tiền THA cơ bản đảm bảo tính chính xác theo quy định.

Thứ năm, công tác phối hợp để giải quyết việc thi hành án

- Phối hợp tốt với Tòa án, Viện kiểm sát trong việc xét miễn giảm THADS. Đã họp các ngành trong khối nội chính để bàn biện pháp giải quyết các việc THA phức tạp. Lãnh đạo CTHADS, Tòa án, Chấp hành viên, Thẩm phán, Kiểm sát viên thường xuyên trao đổi những vướng mắc trong bản án, trong quá trình tổ chức thi hành án. Những việc cần thiết, chấp hành viên mời lãnh đạo hoặc Kiểm sát viên VKSND Thành phố đi cùng để thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật và phối hợp trong công tác THADS

- Chủ động làm việc với Công an thành phố về công tác phối hợp THADS đối với những người đang THA thì bị khởi tố tạm giam, công tác xây dựng kế hoạch bảo vệ cường chế, áp dụng biện pháp bảo đảm THA

- Đã phối hợp tốt với UBND các cấp trong việc đơn đốc, xác minh, phân loại, giải quyết việc THA.

2.1.4. Kết quả chung giai đoạn từ năm 2018-2021

Theo báo cáo tổng kết thi hành án dân sự tính bằng việc và bằng tiền từ năm 2018 đến năm 2021 của Cục THADS thành phố Hà Nội thì kết quả như sau:

❖ Kết quả THADS về việc

Năm	Tổng số bản án, quyết định phải thi hành			
	Tổng số	Có điều kiện thi hành		Chưa có điều kiện thi hành
		Tổng số	Thi hành xong	
2018	48.435	35.352	27.060	11.521
2019	54.697	40.211	30.372	13.078
2020	50.955	40.172	32.394	10.488
2021	51.327	40.064	27.843	11.001

❖ Kết quả THADS về tiền

Năm	Tổng số tiền và giá trị tài sản thụ lý			
	Tổng số	Có điều kiện thi hành		Chưa có điều kiện thi hành
		Tổng số	Thi hành xong	
2018	29.979.136.696.000	16.399.725.363.000	3.171.983.871.000	10.241.070.311.000
2019	42.130.701.586.000	19.825.046.296.000	4.328.078.804.000	13.715.744.619.000
2020	39.661.931.675.000	18.669.938.607.000	7.194.984.366.000	16.822.611.489.000
2021	50.330.898.173.000đ	26.147.657.443.000	6.252.601.226.000	18.180.968.781.000

Như vậy, có thể nhận thấy tổng số việc thi hành xong và giá trị thi hành được trong THADS có nhiều chuyển biến, đây là những kết quả đáng ghi nhận và đầy khích lệ của THADS Hà Nội. Những kết quả này có được là nhờ sự quan tâm của toàn xã hội đối với công tác THADS, sự tích cực thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên các cơ quan THADS và một phần quan trọng đến từ sự thay đổi trong nhận thức và hành động của các cơ quan hữu quan.

Kết quả THADS cụ thể về việc và về tiền năm 2021

- Về việc: Tổng số bản án quyết định đã nhận là 28.373 bản án, quyết định; Tổng số giải quyết là 52.591 1 , trong đó: Số cũ chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng) là 17.945 việc; Số thụ lý mới là 34.646 việc, giảm 369 việc (giảm 1% so với năm 2020); Sau khi trừ đi số ủy thác 1.214 việc, số thu hồi, hủy quyết định thi hành án 50 việc, tổng số phải thi hành là 51.327 việc, trong đó: Số có điều kiện thi hành là 40.064 việc, chiếm 78% trong tổng số phải thi hành; Số chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng) là 11.001 việc, chiếm 21% trong tổng số phải thi hành; Trong số có điều kiện thi hành, số thi hành xong là 27.843 việc, giảm 4.551 việc (giảm 16%) so với năm 2020; đạt tỉ lệ 69.50% (giảm

11.14%) so với năm 2020. Còn thiếu 12% so với chỉ tiêu của Tổng cục giao; Số việc chưa có điều kiện thi hành án chuyển sang sổ theo dõi riêng là 5.981 việc; Số việc chuyển kỳ sau 23.484 việc, tăng 4.923 việc (tăng 21%) so với cùng kỳ năm 2020.

- Về tiền: Tổng số giải quyết là 50.330.898.173.000 đồng , trong đó: Số cũ chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng) là 31.096.389.770.000 đồng; Số thụ lý mới là 19.234.508.403.000 đồng , giảm 6.045.794.611.000 đồng (giảm 31%) so với năm 2020; Sau khi trừ đi số ủy thác là 4.130.473.863.000 đồng , số thu hồi, hủy quyết định thi hành án 61.928.565.000 đồng , tổng số phải thi hành là 46.138.495.746.000 đồng , trong đó: Số có điều kiện thi hành là 26.147.657.443.000 đồng , chiếm 57% trong tổng số phải thi hành; Số chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng) là 18.180.968.781.000 đồng , chiếm 39% trong tổng số phải thi hành; Trong số có điều kiện thi hành, số thi hành xong là 6.252.601.226.000 đồng , giảm 942.383.140.000 đồng (giảm 15%) so với năm 2020; đạt tỉ lệ 23.91% (giảm 12.60 %) so với năm 2020, thiếu so với chỉ tiêu của Tổng cục giao là 16.19%; Số tiền chưa có điều kiện thi hành án chuyển sang sổ theo dõi riêng là 4.156.412.912.000 đồng; Số tiền chuyển kỳ sau 39.885.894.519.000 đồng, tăng 7.418.947.211.000 đồng (tăng 19%) so với cùng kỳ năm 2020.

2.2. Thủ tục ra quyết định thi hành án

2.2.1. Kiểm tra điều kiện ra quyết định thi hành án

Đây là giai đoạn đầu tiên của quá trình tổ chức việc thi hành án dân sự. Nội dung công việc chính trong giai đoạn này bao gồm:

- Tiếp nhận yêu cầu thi hành án hoặc bản án hoặc hồ sơ ủy thác thi hành án
- + Việc tiếp nhận yêu cầu thi hành án, bản án do Thẩm tra viên hoặc Thư ký chịu trách nhiệm chính. Văn thư, công chức phụ trách bộ phận một cửa có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

+ Nội dung công việc bao gồm: Tiếp nhận trực tiếp (từ bộ phận một cửa). Viết Phiếu nhận đơn hoặc hướng dẫn cho người yêu cầu, lập biên bản ghi nhận yêu cầu thi hành án trong trường hợp người yêu cầu trực tiếp trình bày bằng lời nói. Trường hợp tiếp nhận trực tuyến thì thực hiện những công việc quy định tại Quy trình hỗ trợ trực tuyến thi hành án dân sự. Trường hợp tiếp nhận qua đường bưu điện thì Văn thư tiếp nhận, vào Sổ công văn đến rồi chuyển ngay cho Thẩm tra viên hoặc Thư ký được phân công.

Vào Sổ nhận yêu cầu thi hành án, Sổ nhận bản án, quyết định, Sổ nhận quyết định ủy thác. Thời hạn thực hiện ngay trong ngày tiếp nhận. Thực hiện các công việc cần thiết khác theo quy định.

– Kiểm tra, xử lý yêu cầu thi hành án, bản án, hồ sơ ủy thác thi hành án

+ Việc kiểm tra, xử lý yêu cầu thi hành án; bản án, hồ sơ ủy thác thi hành án do Thẩm tra viên hoặc Thư ký chịu trách nhiệm giúp Cục trưởng, Chi cục trưởng thực hiện.

+ Nội dung công việc bao gồm: Kiểm tra, đối chiếu để làm rõ điều kiện ra quyết định thi hành án, rà soát việc Tòa án đã chuyển giao bản án, việc đã ra quyết định thi hành án chủ động, tài liệu ủy thác thi hành án, việc chuyển giao các giấy tờ liên quan đến vật chứng và các nội dung cần thiết khác. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đối chiếu, rà soát, tiến hành dự thảo văn bản cần thiết để Cục trưởng, Chi cục trưởng ký, như: quyết định thi hành án; văn bản thông báo cho người yêu cầu, Tòa án, Trọng tài thương mại, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, cơ quan thi hành án đã ủy thác; văn bản đề nghị Tòa án bổ sung tài liệu còn thiếu, đề nghị Tòa án hoặc hướng dẫn đương sự đề nghị Tòa án giải thích, sửa chữa bản án.

Trình Lãnh đạo cơ quan thi hành được giao phụ trách kiểm tra, chỉnh sửa, ký nháy/tất. Thời hạn thực hiện là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án, bản án, quyết định ủy thác thi hành án. Trình theo thẩm quyền được phân công ký, phát hành Thông báo cho người yêu cầu, Tòa án, Trọng tài thương mại, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, cơ quan thi hành án đã ủy thác; văn bản đề nghị Tòa án giải thích, đính chính, bổ sung tài liệu còn thiếu; thời hạn thực hiện là 05

ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án, bản án, quyết định ủy thác thi hành án. Thực hiện các công việc cần thiết khác theo quy định.

+ Trong việc kiểm tra, xử lý yêu cầu thi hành án cần đặc biệt lưu ý về thời hiệu yêu cầu thi hành án đúng quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Điều 4 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án. Trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được ấn định trong bản án, quyết định thì thời hạn 05 năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn. Đối với bản án, quyết định thi hành theo định kỳ thì thời hạn 05 năm được áp dụng cho từng định kỳ, kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn. Đối với các trường hợp hoãn, tạm đình chỉ thi hành án theo quy định của Luật này thì thời gian hoãn, tạm đình chỉ không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án, trừ trường hợp người được thi hành án đồng ý cho người phải thi hành án hoãn thi hành án.

Trường hợp người yêu cầu thi hành án chứng minh được do trở ngại khách quan hoặc do sự kiện bất khả kháng mà không thể yêu cầu thi hành án đúng thời hạn thì thời gian có trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án, nhưng đương sự có quyền đề nghị Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, quyết định về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu thi hành án quá hạn. Sự kiện bất khả kháng là trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa. Trở ngại khách quan là trường hợp đương sự không nhận được bản án, quyết định mà không phải do lỗi của họ; đương sự đi công tác ở vùng biên giới, hải đảo mà không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn; tai nạn, ốm nặng đến mức mất khả năng nhận thức hoặc đương sự chết mà chưa xác định được người thừa kế; tổ chức hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, cổ phần hóa mà chưa xác định được tổ chức, cá nhân mới có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật hoặc do lỗi của cơ quan xét xử, cơ quan thi hành án hoặc cơ quan, cá nhân khác dẫn đến việc đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn. Tuy nhiên, việc yêu cầu thi hành án quá hạn phải nêu rõ lý do, kèm theo tài liệu chứng minh lý do không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn. Tài liệu chứng

minh đối với trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc do đương sự chết mà chưa xác định được người thừa kế hoặc do trở ngại khách quan xảy ra tại địa phương nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú cuối cùng hoặc nơi cư trú khi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đối với trường hợp tai nạn, ốm nặng đến mức mất khả năng nhận thức nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có tóm tắt hồ sơ bệnh án được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp huyện trở lên xác nhận và tài liệu kèm theo, nếu có. Đối với trường hợp do yêu cầu công tác nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc giấy cử đi công tác của cơ quan, đơn vị đó. Đối với trường hợp do lỗi của cơ quan xét xử, cơ quan thi hành án nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có xác nhận của cơ quan đã ra bản án, quyết định, cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Đối với trường hợp hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, cổ phần hóa đối với tổ chức phải thi hành án thì phải có xác nhận của cơ quan ra quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, cổ phần hóa. Đối với các trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan khác nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tài liệu hợp pháp khác để chứng minh; xác nhận của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải thể hiện rõ địa điểm, nội dung và thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan dẫn đến việc đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn.

Trong trường hợp đặc biệt, đối với trường hợp đã trả đơn yêu cầu thi hành án trước ngày 01/7/2015 mà đương sự yêu cầu thi hành án trở lại thì cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định trả đơn phải ra quyết định thi hành án và tổ chức việc thi hành án. Yêu cầu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Thi hành án dân sự và phải kèm theo tài liệu liên quan, quyết định trả đơn yêu cầu thi hành án, nếu có; trường hợp không còn quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án, người được thi hành án có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án xác nhận về việc đã trả đơn và thụ lý giải quyết việc thi hành án. Trường hợp phạm nhân là người phải thi hành án, thân nhân của họ hoặc người được họ ủy quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện nộp tiền, tài sản thi

hành án khi đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự không ra quyết định khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án; trường hợp này, cơ quan thi hành án dân sự chỉ ra quyết định thi hành án tương ứng với khoản tiền, tài sản họ tự nguyện nộp, đồng thời lập biên bản ghi rõ lý do, số tiền, tài sản do phạm nhân là người phải thi hành án, người được ủy quyền hoặc thân nhân của họ nộp và thông báo cho người được thi hành án đến nhận; hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà người được thi hành án không đến nhận tiền, tài sản thì cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục sung quỹ nhà nước, sau khi khấu trừ tiền, tài sản mà họ phải thi hành theo quyết định thi hành án khác, nếu có.

2.2.2. Soạn thảo quyết định thi hành án

Nhiệm vụ ra quyết định thi hành án do Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thực hiện. Thẩm tra viên, Thư ký, Văn thư có trách nhiệm tham mưu, đề xuất.

Nội dung công việc bao gồm:

Thủ trưởng cơ quan tiến hành kiểm tra, chỉnh sửa dự thảo, ký ban hành quyết định thi hành án; phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành, chuyển quyết định thi hành án cho Thẩm tra viên (bộ phận thụ lý) hoặc Thư ký.

Thẩm tra viên (bộ phận thụ lý) hoặc Thư ký thực hiện vào Sổ thụ lý, nhân bản; chuyển cho Văn thư đóng dấu; chuyển quyết định thi hành án và các tài liệu kèm theo cho Chấp hành viên được phân công và yêu cầu ký nhận vào Sổ thụ lý. Thời hạn thực hiện 02 ngày làm việc, kể từ ngày được trình ký dự thảo quyết định thi hành án.

Văn thư có trách nhiệm gửi các văn bản trên theo quy định. Các quyết định thi hành án phải được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định, lưu ý gửi cho Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp; gửi Sở Tư pháp quyết định thi hành án đối với các bản án hình sự và gửi Trại tạm giam, Trại giam đối với các trường hợp thi hành án phạt tù. Trường hợp yêu cầu thi hành án trực tuyến thì việc trả kết quả thực hiện theo Quy trình hỗ trợ yêu cầu thi hành án trực tuyến. Thời hạn thực hiện 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, thông báo, văn bản. Thực hiện các công việc cần thiết khác theo quy định.

Sau khi đã xác định có đủ các điều kiện để ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án phải soạn thảo nội dung quyết định thi hành án.

– Yêu cầu chung về cách thức soạn thảo quyết định thi hành án:

Soạn thảo quyết định thi hành án là một công việc vô cùng quan trọng, ảnh hưởng và quyết định đến quá trình thi hành án sau này. Khi soạn thảo quyết định thi hành án cơ quan thi hành án dân sự cần đảm bảo các yêu cầu chung sau:

Thứ nhất, không máy móc chép nguyên văn phần quyết định của bản án, quyết định; không được làm sai lệch bản án, quyết định. Đối với quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu, không được chép nguyên văn nội dung đơn yêu cầu thi hành án hoặc phần quyết định của bản án, quyết định; không được làm sai lệch nội dung yêu cầu thi hành án cũng như nội dung của bản án, quyết định.

Thứ hai, nội dung các khoản cho thi hành cần được trình bày đủ ý, logic, dễ hiểu, dễ triển khai thực hiện.

Thứ ba, quyết định thi hành án được đánh máy vào những chỗ trống theo mẫu quyết định thi hành án. Tại Chi cục Thi hành án dân sự, đối với Quyết định thi hành án chủ động, soạn thảo nội dung quyết định theo mẫu số C 01-THADS ban hành theo Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/2/2016 của Bộ Tư pháp. Đối với Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu, soạn thảo nội dung quyết định theo mẫu số C 01a-THADS ban hành theo Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/2/2016 của Bộ Tư pháp.

Thứ tư, phải tuân thủ những quy định về ghi chép biểu mẫu nghiệp vụ thi hành án dân sự tại Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/2/2016 của Bộ Tư pháp, cụ thể:

+ Việc ghi chép nghiệp vụ thi hành án dân sự theo biểu mẫu phải chính xác, chữ viết phải rõ ràng, đủ nét, dễ đọc, không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu, không tẩy xóa, không dùng từ ngữ địa phương, viết cùng một loại mực. Đối với những nơi đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi hành án dân sự, thì

nội dung cần ghi trong các biểu mẫu nghiệp vụ thi hành án dân sự có thể được in qua máy vi tính.

+ Việc ghi chép nghiệp vụ thi hành án dân sự theo biểu mẫu phải liên tiếp, không được bỏ trống, đánh rõ số trang, kết thúc việc ghi chép, phần còn trống trong văn bản phải gạch chéo.

+ Nghiêm cấm việc tự ý tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung làm sai lệch nội dung nghiệp vụ thi hành án dân sự được ghi chép trong biểu mẫu.

– Nội dung quyết định thi hành án

Nội dung cụ thể của quyết định thi hành án được áp dụng cho cả các trường hợp bao gồm cả quyết định chủ động và theo yêu cầu. Cụ thể: quyết định thi hành án phải ghi rõ họ tên, chức vụ của người ra quyết định; số, ngày, tháng, năm, tên cơ quan, tổ chức ban hành bản án, quyết định; tên, địa chỉ của người phải thi hành án, người được thi hành; phần nghĩa vụ phải thi hành án; thời hạn tự nguyện thi hành án.

* Phần tên cơ quan ban hành:

Khi soạn thảo phần này cơ quan thi hành án dân sự lưu ý điểm khác biệt của biểu mẫu ban hành theo Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/2/2016 của Bộ Tư pháp, phần này bao gồm cả cơ quan ban hành và cơ quan cấp trên của cơ quan đó.

Ví dụ: Tổng cục Thi hành án dân sự

Cục Thi hành án dân sự tỉnh B

* Phần địa danh và ngày, tháng, năm ban hành quyết định:

Ghi địa danh theo đơn vị hành chính nơi cơ quan thi hành án dân sự đóng trụ sở và ngày, tháng, năm là ngày ra quyết định thi hành án.

Ví dụ: Huyện A, ngày 29 tháng 5 năm 2018

* Phần căn cứ ra quyết định:

Phần này cơ quan thi hành án dân sự tuân thủ theo biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/2/2016 của Bộ Tư pháp.

*** Phần nội dung của quyết định:**

Đây là phần rất quan trọng của quyết định vì thể hiện nội dung việc thi hành án, do đó phải thận trọng trong việc soạn thảo, tránh tình trạng ra thừa hoặc thiếu các khoản phải thi hành. Phần này ngoài Điều 1 là cơ quan thi hành án dân sự phải tự soạn thảo còn các điều khác tuân thủ theo đúng biểu mẫu. Khi soạn thảo Điều 1 cơ quan thi hành án dân sự cần lưu ý một số vấn đề sau:

+ Phải ghi đầy đủ họ tên, địa chỉ của người phải thi hành án; ghi cụ thể nội dung các khoản thi hành án theo đúng quyết định của bản án, quyết định được thi hành và đúng phạm vi yêu cầu thi hành án, không máy móc ghi nguyên văn quyết định của Tòa án, nhưng không được làm sai lệch nội dung quyết định của Tòa án. Nếu là số tiền thi hành án thì phải ghi cả bằng số và bằng chữ.

Ví dụ: Ông A được chia 120m² đất và nhận tiền chênh lệch 15 triệu đồng theo quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật, nhưng ông A chỉ yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành cho ông được nhận 120m² đất và chưa yêu cầu số tiền 15 triệu đồng.

Trong ví dụ này, nội dung trong quyết định thi hành án chỉ ghi cho thi hành đối với 120m² đất ông A đã yêu cầu thi hành án, còn 15 triệu đồng ông A chưa yêu cầu thi hành án, hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông A không yêu cầu thi hành án thì phần tiền đó hết thời hiệu yêu cầu thi hành án.

+ Nếu một quyết định thi hành được ra chung cho nhiều người phải thi hành án, nên đánh số thứ tự “1....”; “2...”... theo thứ tự mỗi người phải thi hành án.

Ví dụ:

“Điều 1: Cho thi hành đối với:

1. Ông Nguyễn Văn A

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện N, tỉnh B

Khoản phải thi hành: Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn)

2. Ông Nguyễn Văn B

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện N, tỉnh B

Khoản phải thi hành: Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn)”

– Nếu một quyết định thi hành án có một người phải thi hành án và người đó phải thi hành nhiều khoản thì cơ quan thi hành án dân sự nên đánh số thứ tự “1....”; “2...”... theo thứ tự các khoản phải thi hành.

Ví dụ:

“Điều 1: Cho thi hành đối với:

Ông Nguyễn Văn A

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện N, tỉnh B

Các khoản phải thi hành:

1. Phạt tiền: 10.000.000 đ (Mười triệu đồng chẵn)
2. Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn)”

– Ngoài nội dung khoản phải thi hành, cơ quan thi hành án dân sự phải lưu ý ghi nội dung thời hạn tự nguyện thi hành án cho người phải thi hành án. Đây là nội dung mới được đưa vào biểu mẫu.

– Ký tên, lấy số và đóng dấu cơ quan thi hành án dân sự vào quyết định thi hành án

Quyết định thi hành án sau khi được soạn thảo thì phải được Thủ trưởng cơ quan thi hành án ký, ghi rõ họ tên, chức vụ của người ký và phải được lấy số, ngày, tháng, năm và đóng dấu của cơ quan thi hành án dân sự để ban hành quyết định thi hành án.

2.3. Quy định của pháp luật về việc ra quyết định thi hành án

Bản án, quyết định được thi hành là bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có hiệu lực pháp luật nhưng thuộc trường hợp thi hành ngay.

- Bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật:

Nguyên tắc bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của toà án đòi hỏi bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan nghiêm chỉnh chấp hành (Tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015). Bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật gồm:

+ Bản án, quyết định sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật: Bản án, quyết định và những phần của bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm. Trường hợp bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị nhưng trước khi mở phiên toà hoặc tại phiên toà phúc thẩm, người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo, viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị thì bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

+ Bản án, quyết định phúc thẩm: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Quyết định phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định.

+ Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm: Quyết định của hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Bản án, quyết định của toà án chưa có hiệu lực pháp luật được thi hành ngay (Điều 363 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015):

Về nguyên tắc, việc thi hành án chỉ được thực hiện đối với bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, để bảo đảm quyền lợi cho bị cáo, bản án, quyết định của toà án chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay, cho dù sau đó vẫn có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Đó là trường hợp bị cáo đang bị tạm giam mà toà án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ vụ án, tuyên bị cáo không có tội, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt cho bị cáo, hình phạt không phải là hình phạt tù hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo hoặc khi thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời hạn đã tạm giam. Trong trường hợp này, hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên toà sau khi tuyên án. Hình phạt cảnh cáo cũng được thi hành ngay tại phiên toà.

Thẩm quyền, thời hạn và thủ tục ra quyết định thi hành án (Điều 364 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015).

2.3.1. Thẩm quyền ra quyết định thi hành án hình sự

Bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật chỉ được đưa ra thi hành trong thực tiễn sau khi có quyết định thi hành án. Thẩm quyền ra quyết định thi hành án thuộc về chánh án toà án đã xét xử sơ thẩm hoặc chánh án toà án khác cùng cấp được chánh án toà án đã xét xử sơ thẩm uỷ thác (Khoản 1 Điều 364 Bộ luật tố tụng hình sự).

2.3.2. Thủ tục và thời hạn ra quyết định thi hành án hình sự

Chánh án toà án đã xét xử sơ thẩm ra quyết định thi hành án trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm.

Chánh án toà án được uỷ thác ra quyết định thi hành án trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định uỷ thác thi hành của chánh án toà án đã xét xử sơ thẩm.

2.3.3. Giải thích, sửa chữa bản án, quyết định của toà án hình sự

Để bảo đảm thi hành đúng, chính xác bản án, quyết định của toà án, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án dân sự, viện kiểm sát, người bị kết án, bị hại, đương sự liên quan đến việc thi hành án có quyền yêu cầu toà án đã ra bản án, quyết định giải thích, sửa chữa những điểm chưa rõ trong bản án, quyết định (Tại Khoản 1 Điều 365 Bộ luật tố tụng hình sự). Việc sửa chữa bản án, quyết định của toà án phải theo nguyên tắc không được làm thay đổi bản chất vụ án hoặc bất lợi cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác (Tại Khoản 1 Điều 261 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015).

Trách nhiệm giải thích, sửa chữa những điểm chưa rõ trong bản án, quyết định của toà án thuộc về thẩm phán chủ tọa phiên toà đã ra bản án, quyết định. Trường hợp thẩm phán chủ tọa phiên toà không thể thực hiện được thì việc giải thích, sửa chữa do chánh án toà án đã ra bản án, quyết định đó thực hiện (Khoản 2 Điều 365 Bộ luật tố tụng hình sự).

2.3.4. Giải quyết kiến nghị đối với bản án, quyết định của toà án

Theo điều 366 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án dân sự trong khi thực hiện nhiệm vụ thi hành án có thể phát hiện căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với bản án, quyết định của toà án. Trong trường hợp này, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án dân sự kiến nghị với toà án có thẩm quyền về việc xem xét lại bản án, quyết định của toà án theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Toà án có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị. Trường hợp vụ án phức tạp thì thời hạn trả lời có thể kéo dài nhưng không quá 120 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị.

2.4. Quy trình ra quyết định thi hành án

2.4.1. Lưu đồ

2.4.2. Mô tả quy trình

TT	Người thực hiện hoặc phối hợp	Nội dung quy trình	Thời gian thực hiện
I	Chuyên viên, Thư ký	Tiếp nhận Hồ sơ đầu vào: Hồ sơ đầu vào được tiếp nhận từ hai nguồn: 1. Đơn yêu cầu thi hành án của đương sự. 2. Bản án, quyết định do Tòa án chuyển giao.	
I.1	Chuyên viên, Thư ký	Hồ sơ yêu cầu thi hành án của đương sự. - Gồm 02 nguồn:	

1.1		<p>1. Nhận qua đường bưu điện.</p> <p>2. Nhận trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p style="text-align: center;">Kiểm tra thẩm quyền</p> <p>Khi nhận HS người thực hiện phải đối chiếu với quy định của Luật để xác định thẩm quyền giải quyết hồ sơ. Có 2 trường hợp xảy ra:</p> <p>* Nếu không đúng thẩm quyền: Người nhận Hồ sơ sẽ thực hiện một trong hai bước sau:</p> <p>1. Trả lại hồ sơ cho người yêu cầu (đối với trường hợp nhận trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).</p> <p>2. Làm văn bản trả lời cho người yêu cầu (nếu nhận từ bưu điện)</p> <p>* Nếu thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục thực hiện bước tiếp theo.</p>	<p>Ngay sau khi nhận hồ sơ.</p> <p>Ngay sau khi KT</p> <p>Thời hạn làm văn bản trả lời không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.</p>
1.2	Chuyên viên,	<p>Kiểm tra sổ thụ lý:</p> <p>Người nhận đơn tiến hành kiểm tra</p>	Ngay sau khi xác định thẩm quyền

1.3	Chuyên viên, Thư ký	<p>Kiểm tra Hồ sơ:</p> <p>Có 02 kết quả:</p> <p>1. Hồ sơ không hợp lệ:</p> <p>* Viết phiếu tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn đương sự bổ sung hoàn thiện hồ sơ (nhận trực tiếp);</p> <p>* Làm văn bản hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ (nhận qua đường bưu điện).</p> <p>2. Hồ sơ hợp lệ: Viết phiếu nhận đơn (Nhận trực tiếp); Làm văn bản trình lãnh đạo Cục ký, thông báo cho đương sự đã TL HS (Nhận qua bưu điện) ngay sau khi nhận hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ và xác định thẩm quyền giải quyết.</p> <p>Thời hạn làm văn bản trả lời không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.</p>
1.4	Chuyên viên, Thư ký	<p>- Vào sổ nhận đơn yêu cầu THA</p> <p>Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, người được phân công vào sổ tiến hành vào sổ nhận đơn yêu cầu thi hành án. Khi vào sổ phải vào đúng cột mục, đánh số thứ tự đơn, ngày, tháng, năm nhận đơn vào đơn yêu cầu thi hành án.</p> <p>- Chốt sổ theo quy định.</p>	Sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.
II.2	Chuyên viên, thư	Nhận bản án, quyết định của	

	ký phối hợp với nhân viên văn phòng TPL hoặc Tòa án.	Tòa án: Gồm 2 nguồn: + Nhận trực tiếp từ nhân viên văn phòng Thừa phát lại hoặc nhân viên Tòa án. + Nhận qua đường bưu điện. Khi nhận Bản án của Tòa cần ký nhận bản án.	
2.1	Chuyên viên, Thư ký	Ký nhận bản án. Việc ký nhận Bản án thể hiện bằng 02 hình thức: 1. Lập biên bản giao nhận và ký biên bản (Nhận trực tiếp). 2. Làm văn bản trình lãnh đạo Cục ký, thông báo cho Tòa án về việc đã tiếp nhận Bản án, QĐ của Tòa (Nhận qua đường bưu điện).	Ngay sau khi nhận Bản án, QĐ Không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày bưu điện chuyển đến.
2.2	Chuyên viên, Thư ký	Vào sổ nhận Bản án. - Ngay khi nhận được Bản án, người nhận phải vào sổ nhận án. Khi vào sổ phải vào đầy đủ các cột mục. - Chốt sổ nhận bản án, QĐ theo đúng quy định.	Ngay sau khi nhận bản án, QĐ Theo định kỳ, tháng, quý, sáu tháng, năm.
2.3	Chuyên viên, thư ký phối hợp với	Kiểm tra các thông tin trong bản án: có 02 kết quả:	-01 ngày làm việc kể từ ngày vào sổ

	phòng Tài chính – Kế hoạch, hoặc bộ phận có liên quan.	<p>1. Đủ điều kiện ra QĐ thi hành án (thực hiện bước 2: Soạn thảo QĐ Thi hành án).</p> <p>2. Không đủ điều kiện ra quyết định thi hành án (Làm văn bản đề nghị Tòa giải thích, bổ sung tài liệu).</p>	<p>nhận bản án.</p> <p>-Thời hạn làm văn bản đề nghị Tòa giải thích, bổ sung tài liệu là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận bản án, QĐ.</p>
II	Chuyên viên, Thư ký	<p>Soạn thảo QĐ Thi hành án</p> <p>Từ nguồn hồ sơ hợp lệ và bản án đủ điều kiện ra Quyết định thi hành án tiến hành soạn thảo QĐ Thi hành án, sau đó chuyển Thẩm tra viên kiểm tra nội dung, thể thức văn bản</p>	01 ngày làm việc kể từ ngày vào sổ nhận đơn hoặc nhận BA đủ ĐK ra QĐ THA.
III	Lãnh đạo Văn phòng	<p>Lãnh đạo phòng kiểm tra</p> <p>Lãnh đạo Văn phòng được phân công kiểm tra quyết định thi hành án sẽ tiến hành kiểm tra lại quyết định thi hành án, ký nháy vào cuối dòng Quyết định trước khi trình lãnh đạo Cục ký ban hành.</p>	01 ngày làm việc
IV	Lãnh Đạo Cục	<p>Ký Quyết định thi hành án</p> <p>Lãnh đạo Cục được phân công ký quyết định thi hành án ký Quyết định đồng thời phân công chấp hành viên giải quyết Hồ sơ.</p>	01 ngày làm việc

V	Chuyên viên, Thư ký	<p>Vào sổ thụ lý</p> <p>Sau khi lãnh đạo Cục ký quyết định, người được giao nhiệm vụ vào sổ thụ lý tiến hành vào sổ thụ lý.</p> <p>- Khi vào sổ phải vào theo từng loại việc (Dân sự, hình sự, kinh tế, HNGĐ, Lao động), đánh số thụ lý hồ sơ theo từng loại việc.</p> <p>- Chốt sổ thụ lý theo quy định.</p>	Ngay sau khi Lãnh đạo chuyên Quyết định.
VI	Chuyên viên, Thư ký và Chấp hành viên	<p>Giao hồ sơ cho Chấp hành viên.</p> <p>Người được phân công nhiệm vụ giao hồ sơ cho CHV tiến hành vào sổ giao án cho CHV, báo cho CHV được phân công tổ chức hồ sơ nhận hồ sơ. Khi giao nhận yêu cầu CHV ký vào sổ giao án.</p>	Ngay sau khi vào sổ thụ lý, và sổ giao án cho CHV

*** Lưu ý:**

1. Tổng thời gian từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, bản án, QĐ của Tòa chuyển cho đến ngày ký ban hành quyết định thi hành án là không quá 05 ngày làm việc.
2. Đối với Quyết định khẩn cấp tạm thời việc thực hiện các bước: kiểm tra, ký nhận, soạn thảo quyết định... cho đến khi giao Hồ sơ cho chấp hành viên giải quyết phải thực hiện ngay sau khi nhận quyết định và thời gian thực hiện các bước không quá 24h kể từ khi tiếp nhận.

3. Quyết định của Tòa án về giải quyết phá sản tổng thời gian thực hiện các bước không quá 3 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định.			
VII	Chuyên viên, thư ký và Chấp hành viên.	Tiếp nhận hồ sơ thi hành án đã giải quyết xong và gạch sổ thụ lý. - Hàng tháng người được phân công gạch sổ thụ lý sẽ tiếp nhận hồ sơ đã giải quyết xong do CHV chuyển. Khi nhận cần kiểm tra số bút lục, ký biên bản giao nhận. - Sau khi tiếp nhận Hồ sơ tiến hành ghi kết quả giải quyết hồ sơ và gạch sổ thụ lý.	Từ ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng.
VIII	Chuyên Viên, thư ký + Phòng thẩm tra.	Giao hồ sơ cho phòng thẩm tra Sau khi gạch sổ thụ lý, tiến hành bàn giao hồ sơ cho phòng thẩm tra. Khi bàn giao phải lập danh sách và ký biên bản giao nhận.	Ngày 15 của tháng tiếp theo.

2.4.3. Mẫu sổ

2.5. Vi phạm trong việc ra quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án

Việc ra quyết định thi hành án của Cơ quan thi hành án dân sự có vai trò rất quan trọng, là cơ sở pháp lý để bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật được tổ chức thi hành, bảo đảm cho bản án, quyết định của Tòa án được chấp hành nghiêm chỉnh, góp phần tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và Nhà nước.

Luật thi hành án dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan đã quy định cụ thể nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền, phạm vi ra quyết định thi hành án. Theo đó, tại điểm a khoản 1 Điều 23 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 (Luật thi hành án dân sự) quy định một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự là ra quyết định về thi hành án theo thẩm quyền.

Điều 36 Luật thi hành án dân sự quy định: Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án và ra quyết định thi hành án khi có yêu cầu thi hành án.

Thực tiễn cho thấy việc ra quyết định thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự còn có những thiếu sót, vi phạm, điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Cụ thể:

Dạng vi phạm thứ nhất: Ra quyết định thi hành án khi bản án, quyết định của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ví dụ: Ngày 12/4/2019 Tòa án ban hành quyết định đình chỉ vụ án Hôn nhân gia đình số 04/2019/QĐST-HNGĐ đối với Phạm Thị X và Nguyễn Anh P. Ngày 23/4/2019 quyết định của Tòa án mới có hiệu lực pháp luật nhưng ngày 18/4/2019 Thủ trưởng Cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án đối với Phạm Thị X và Nguyễn Anh P.

Quyết định thi hành án nêu trên của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự đã vi phạm khoản 1 Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Dạng vi phạm thứ hai: Chậm ra quyết định thi hành án

Ví dụ: Ngày 27/6/2019, Cơ quan thi hành án dân sự nhận được quyết định ủy thác thi hành án dân sự số 86/QĐ-CCTHADS ngày 20/6/2019 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố X. Đến ngày 13/8/2019, Thủ trưởng Cơ quan thi hành án dân sự mới ra quyết định thi hành án, chậm 37 ngày, vi phạm khoản 2 Điều 57 Luật thi hành án dân sự.

Dạng vi phạm thứ ba: Ra quyết định thi hành án vượt quá nội dung bản án, quyết định của Tòa án

Ví dụ: Theo bản án của Tòa án thì bà Phan Thị C phải trả cho bà Trần Thị T 10 triệu đồng. Ngày 13/3/2019, Cơ quan thi hành án dân sự nhận được đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thị T với nội dung yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Phan Thị C phải trả cho bà Trần Thị T 10 triệu đồng. Ngày 18/3/2019, Thủ trưởng Cơ quan thi hành án dân sự ban hành Quyết định thi hành án với nội dung ông Nguyễn Văn N và bà Phan Thị C phải trả cho bà Trần Thị T 10 triệu đồng.

Quyết định thi hành án nêu trên của Thủ trưởng Cơ quan thi hành án dân sự là vượt quá nội dung bản án đã tuyên, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn N. Vi phạm điểm a Khoản 5 Điều 31 Luật thi hành án dân sự.

Dạng vi phạm thứ tư: Ra quyết định thi hành án không đúng thẩm quyền

Ví dụ: Ngày 22/5/2019, Cơ quan thi hành án dân sự nhận được quyết định đình chỉ vụ án dân sự số 24/2018/QĐST-DS của Tòa án tỉnh B. Ngày 27/5/2019, thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án đối với quyết định nêu trên của Tòa án tỉnh B.

Việc Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án đối với quyết định của Tòa án tỉnh B khi chưa có quyết định ủy thác của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh B là vượt quá thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

Dạng vi phạm thứ năm: Ra quyết định thi hành án đối với nghĩa vụ chưa đến hạn

Ví dụ: Theo bản án của Tòa án thì ông Hồ Quý H phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 64 triệu đồng, mỗi tháng trả 5 triệu đồng bắt đầu từ tháng 11/2016 đến khi hết nợ.

Ngày 02/12/2016 bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu ông Hồ Quý H phải trả 64 triệu đồng. Ngày 09/12/2016, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án với nội dung Hồ Quý H phải trả cho bà Nguyễn Thị N 64 triệu đồng, mỗi tháng trả 5 triệu đồng.

Việc Thủ trưởng Cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án đối với nghĩa vụ trả nợ từ tháng 01/2017 trở về sau (nghĩa vụ chưa đến hạn) là vi phạm Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trên đây là một số dạng vi phạm trong việc ban hành quyết định thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự mà đơn vị phát hiện trong quá trình kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính. Thông qua bài viết này, đơn vị gửi đến các đồng chí, đồng nghiệp tham khảo, đúc kết kinh nghiệm nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính.

2.6.Những khó khăn, vướng mắc từ thực tế khi nhận các bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành

Một là: Nội dung bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành
Theo thống kê của Tổng cục Thi hành án dân sự, tính đến ngày 31/7/2021, số việc bản án, quyết định tuyên không rõ, có sai sót mà cơ quan THADS đã có văn bản yêu cầu tòa án đính chính, giải thích là 508 việc (tương đương với số tiền hơn 495 tỷ đồng); số việc cơ quan THADS kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm là 132 việc (tương đương với số tiền hơn 232 tỷ đồng). Có thể thấy, số lượng bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành hiện nay là rất lớn, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động tổ chức thi hành án.

Trong thực tiễn, nội dung bản án, quyết định của Tòa án tuyên không rõ, khó thi hành rất đa dạng, cụ thể như: Không tuyên rõ nghĩa vụ và đối tượng phải thi hành; không xác định rõ người phải thi hành án; không đề cập đến tài sản trên đất tồn tại từ trước khi có bản án; chỉ tuyên xử lý quyền sử dụng đất, không tuyên xử lý tài sản trên đất, tuyên thiếu, không đầy đủ các tài sản có trên đất phải chuyển giao; Tài sản thế chấp không có lỗi đi, nhiều bản án, quyết định có nội dung không thống nhất dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau...

Đối với các bản án này, cơ quan THADS gặp rất nhiều khó khăn khi tổ chức thi hành án, mặt khác còn gây kéo dài vụ việc, lãng phí thời gian, chi phí của Nhà nước và nhân dân.

Hai là: Về cách tuyên giá trị trong các bản án, quyết định của Tòa án:

Trong thực tiễn, có rất nhiều trường hợp bản án tuyên giá trị phải thi hành án lẻ tẻ tới hàng đồng. Ví dụ: Bản án của Tòa án nhân dân huyện X tuyên: “ công ty TNHH ABC phải chịu án phí: 49.233.316,2 đồng(Bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi ba nghìn ba trăm mười sáu phẩy hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch.

Trong thực tiễn, việc tuyên án lẻ đồng như trên là rất phổ biến. Đây là một bất cập trong thực tiễn tổ chức thi hành án. Bởi vì Quyết định thi hành án phải ghi rõ số tiền chính xác theo bản án quyết định của Tòa án, nhưng khi tổ chức thi hành thì không thể có số tiền lẻ đồng để thu, nộp ngân sách cũng như chi trả cho đương sự như theo quyết định thi hành án và Bản án. Trong khi đó, trong các đơn vị tiền tệ của Việt Nam hiện nay, loại tiền mặt có giá trị thấp nhất được lưu hành là tiền có mệnh giá 100đ(Một trăm đồng), dẫn đến việc ghi biên lai thu tiền và nộp tiền thi hành án trên thực tế là chưa thật sự hợp lý.

Do đó cần thống nhất liên ngành Tòa án, Thi hành án về việc làm tròn số tiền phải thi hành để việc tuyên án chính xác, phù hợp và thuận lợi cho việc tổ chức thi hành án.

Ba là: Về thời hạn giải thích bản án: Điều 179 Luật THADS quy định về trách nhiệm của cơ quan ra bản án, quyết định trong thi hành án. Theo đó cơ quan ra bản án, quyết định có trách nhiệm bảo đảm bản án, quyết định đã tuyên chính xác, rõ ràng, cụ thể, phù hợp với thực tế. Có văn bản giải thích những nội dung mà bản án, quyết định tuyên chưa rõ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự hoặc của cơ quan THADS. Trường hợp vụ việc phức tạp thì thời hạn trả lời không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Theo quy định tại điểm d, điểm đ Khoản 1 Điều 23 Luật THADS, Thủ trưởng cơ quan THADS có quyền yêu cầu cơ quan đã ra bản án, quyết định giải thích bằng văn bản những điểm chưa rõ hoặc không phù hợp với thực tế trong bản án, quyết định đó để thi hành; Kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với bản án, quyết định theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên việc giải thích bản án, quyết định tuyên không rõ vẫn còn nhiều

hạn chế, vẫn còn nhiều trường hợp tòa án chậm trả lời hoặc không trả lời cơ quan THADS.

Theo thống kê của Tổng cục THADS 10 tháng năm 2021, trong 508 việc cơ quan THADS đề nghị giải thích, các cơ quan có thẩm quyền đã trả lời 277 việc, trả lời chưa rõ: 53 việc, chưa trả lời: 178 việc; trong số 132 việc kiến nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, số đã kháng nghị là 31 việc, số chưa kháng nghị là 101 việc. Theo đó, có thể thấy rất nhiều vụ việc thi hành án bị hoãn lại vì lý do này. Mặt khác, vẫn còn nhiều trường hợp mà nội dung giải thích của tòa án chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu, giải thích nhưng vẫn chưa rõ, khó thi hành...

Mặc dù Tòa án nhân dân Tối cao đã ban hành Chỉ thị số 05/2017 ngày 16/10/2017 về việc giải quyết các bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành. Trong đó, đưa ra nhiều giải pháp về việc rà soát, giải quyết dứt điểm các kiến nghị của cơ quan thi hành án cho rằng bản án, quyết định của tòa án tuyên không rõ, khó thi hành và phân công trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc rà soát, xem xét và xử lý, khắc phục đối với các bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành...

Tuy nhiên, phân tích số lượng các bản án chưa được giải thích, chưa trả lời cho các cơ quan THADS thì thấy rằng vẫn cần phải quan tâm nhiều hơn nữa đến công tác này. Mặt khác, việc giải thích bản án, quyết định tuyên không rõ vẫn còn nhiều hạn chế, vẫn còn nhiều trường hợp mà nội dung giải thích của tòa án chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu, giải thích nhưng vẫn chưa rõ, khó thi hành...

Bốn là: Về cách thức sửa chữa, bổ sung bản án: Điều 268 và Điều 486 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Sau khi tuyên án xong thì không được sửa chữa, bổ sung bản án, trừ trường hợp phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai. Trường hợp cần sửa chữa, bổ sung bản án theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Thẩm phán phối hợp với các Hội thẩm nhân dân là thành viên Hội đồng xét xử đã tuyên bản án đó phải ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án và gửi ngay cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện,

Viện kiểm sát cùng cấp và cơ quan THADS nếu bản án đã được gửi cho cơ quan THADS”.

Điều 9 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC quy định: Trường hợp phát hiện bản án, quyết định của Tòa án có những điểm chưa rõ gây khó khăn cho việc thi hành án hoặc phát hiện lỗi chính tả, số liệu có nhầm lẫn hoặc tính toán sai thì Thủ trưởng cơ quan THADS có văn bản yêu cầu Tòa án đã ra bản án, quyết định giải thích những điểm chưa rõ, sửa chữa lỗi chính tả hoặc số liệu nhầm lẫn. Tòa án có trách nhiệm trả lời về những vấn đề được nêu trong văn bản yêu cầu của cơ quan THADS. Việc giải thích bằng văn bản những điểm chưa rõ, sửa chữa lỗi chính tả hoặc sai sót về số liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng và Điều 179 Luật THADS.

Điều 179 Luật THADS quy định: *Tòa án có văn bản giải thích* những nội dung mà bản án, quyết định tuyên chưa rõ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự hoặc của cơ quan THADS. Thực tiễn, khi sửa chữa, bổ sung bản án, Tòa án thường chỉ ban hành Công văn về việc sửa chữa, bổ sung bản án mà không ban hành Quyết định sửa chữa bổ sung bản án. Do đó, cần quy định thống nhất về hình thức ban hành văn bản sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định để áp dụng, thực hiện. Một phán quyết đúng, chính xác, rõ ràng là điều kiện vô cùng quan trọng để việc thi hành phán quyết được thuận lợi. Do đó một trong những yêu cầu đặc biệt quan trọng là Tòa án phải nâng cao chất lượng của phán quyết. Để làm được điều này đòi hỏi một giải pháp đồng bộ trong toàn bộ quá trình tố tụng và trách nhiệm của các cơ quan liên quan. Bên cạnh các quy định về đính chính, sửa đổi, bổ sung bản án, hủy bản án(Điều 486, 487 Bộ luật Tố Tụng Dân sự năm 2015), cần xem xét trách nhiệm cá nhân của thẩm phán ra bản án, quyết định không rõ, không thống nhất, khó thi hành và có những chế tài pháp lý hữu hiệu để hạn chế tình trạng này.

Trong thực tế, tình trạng Tòa án chậm giải thích bản án, quyết định, chậm xem xét kiến nghị của cơ quan THADS vẫn còn diễn ra. Do đó cần có các quy định cụ thể và nghiêm khắc hơn nữa về trách nhiệm của tòa án, trách nhiệm của thẩm

phán đối với các trường hợp này. Đồng thời cần có cơ chế phát huy vai trò chủ động của cơ quan THADS và Chấp hành viên trong việc thực hiện quyền yêu cầu tòa án giải thích các bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành.

TIÊU KẾT 2:

Chương 2 tôi đã tìm hiểu về quy trình ra quyết định THA của bản án, quyết định của Tòa án. Đa số các quyết định đều đúng theo quy định của pháp luật tuy nhiên vẫn có những sai phạm hay mắc phải trong việc ra quyết định THA gây ảnh hưởng đến việc thi hành án, quyền lợi của đương sự. Căn cứ vào phần tìm hiểu của chương 1 và chương 2, chương 3 tôi sẽ đưa ra giải pháp về kỹ năng nhận, phân tích bản án, quyết định của Tòa án trong thi hành án.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP VỀ KỸ NĂNG NHẬN, PHÂN TÍCH BẢN ÁN CỦA TÒA KHI RA QUYẾT ĐỊNH THA

3.1. Các kỹ năng được áp dụng để nhận và phân tích bản án, quyết định trong thi hành án dân sự

3.1.1. Kỹ năng nhận bản án, quyết định của Tòa án

Khi thực hiện việc tiếp nhận bản án, quyết định do Tòa án và Trọng tài thương mại chuyển giao, cán bộ làm công tác thi hành án dân sự (đặc biệt là cán bộ thụ lý) cần lưu ý một số nội dung sau:

3.1.1.1. Thời hạn Tòa án phải chuyển giao bản án, quyết định

Thời hạn mà Tòa án, Trọng tài thương mại phải chuyển giao bản án, quyết định cho cơ quan thi hành án dân sự là vấn đề mà chúng ta cần phải quan tâm bởi đây là trách nhiệm của Tòa án, Trọng tài thương mại. Tuy nhiên, cán bộ làm công tác thi hành án dân sự cũng cần phải biết để có cách xử lý hợp lý khi tiếp nhận yêu cầu thi hành án về khoản chủ động thi hành án mà Tòa án chưa chuyển giao bản án, quyết định đó. Theo quy định tại Điều 28 Luật THADS được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì đối với mỗi loại bản án, quyết định thời hạn chuyển giao của Tòa án, Trọng tài thương mại cũng khác nhau, cụ thể:

* Đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật:

Theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Luật THADS được sửa đổi, bổ sung năm 2014: *“Tòa án đã ra bản án, quyết định quy định tại các điểm a, b, c, d và g khoản 1 Điều 2 của Luật này phải chuyển giao bản án, quyết định đó cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật”*.

Bản án, quyết định quy định tại các điểm a, b, c, d và g khoản 1 Điều 2 của Luật này đó chính là những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bao gồm:

+ Bản án, quyết định hoặc phần bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm;

- + Bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm;
 - + Quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Tòa án;
 - + Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài đã được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam;
 - + Quyết định của Tòa án giải quyết phá sản.
- * Đối với những bản án, quyết định tuy chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay:

Theo quy định tại khoản 2, Điều 28 Luật THADS được sửa đổi, bổ sung năm 2014: *“Tòa án đã ra bản án, quyết định quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật này phải chuyển giao bản án, quyết định đó cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra bản án, quyết định”*

Bản án, quyết định quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật THADS đó là Bản án, quyết định về cấp dưỡng, trả lương, trả công lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp mất sức lao động hoặc bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tổn thất về tinh thần, nhận người lao động trở lại làm việc.

* Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tòa án, Trọng tài thương mại đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải chuyển giao quyết định đó cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi ra quyết định.

3.1.1.2. Thủ tục nhận bản án, quyết định

* Kiểm tra các điều kiện để nhận bản án, quyết định:

Trước khi tiếp nhận bản án, quyết định do Tòa án, Trọng tài thương mại chuyển giao, cán bộ làm công tác thi hành án cần phải kiểm tra từng bản án, quyết định, không thể nhận án theo kiểu điểm đầu, đếm số lượng án và phải kiểm tra các điều kiện sau:

- Kiểm tra xem cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành bản án, quyết định không?

- Kiểm tra các tài liệu kèm theo bản án, quyết định xem đã đầy đủ chưa? Các tài liệu này gồm:

- Bản án, quyết định của Tòa án chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự là bản sao bản án theo quy định tại Điều 241 Bộ luật Tố tụng dân sự, Trên thực tế đã có trường hợp cơ quan thi hành án không nhận bản án, quyết định của Tòa án chuyển giao với lý do bản án, quyết định của Tòa án được photo, đóng dấu của Tòa án thì không phải là bản chính mà pháp luật đã quy định phải chuyển giao cho cơ quan thi hành án. Họ cho rằng bản án, quyết định được chuyển giao phải có chữ ký gốc của Hội đồng xét xử. Quan niệm như thế là sai lầm và không đúng với quy định pháp luật.

- Các tài liệu kèm theo bản án, quyết định: Theo quy định tại khoản 4, Điều 28 Luật THADS thì trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã kê biên tài sản, tạm giữ tài sản, thu giữ vật chứng hoặc thu giữ các tài liệu khác có liên quan đến việc thi hành án thì khi chuyển giao bản án, quyết định cho cơ quan thi hành án dân sự, Tòa án phải gửi kèm theo bản sao biên bản về việc kê biên, tạm giữ tài sản, thu giữ vật chứng hoặc tài liệu khác có liên quan.

Để kiểm tra các tài liệu kèm theo, cán bộ làm công tác thi hành án cần đọc kỹ nội dung bản án, quyết định để xác định các tài liệu kèm theo bản án, quyết định đó. Sau đó, đối chiếu với biên bản giao nhận của Tòa án xem các tài liệu theo biên bản giao nhận có đúng với bản án, quyết định không. Sau khi kiểm tra các thông tin trên, tùy từng trường hợp để có tham mưu xử lý kịp thời:

+ Trường hợp xác định được cơ quan thi hành án không có thẩm quyền thi hành bản án, quyết định: Hướng dẫn Tòa án, Trọng tài thương mại chuyển giao cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành.

+ Trường hợp thiếu tài liệu kèm theo: Về nguyên tắc thì cơ quan thi hành án không nhận bản án, quyết định đó. Tuy nhiên, trên thực tế vì quan hệ “ngoại giao” một số cơ quan thi hành án vẫn nhận và yêu cầu người chuyển giao bản án, quyết định của Tòa án phải chuyển ngay các tài liệu còn thiếu. Nếu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày chuyển giao thiếu mà Tòa án không chuyển đủ các tài

liệu còn thiếu thì cơ quan thi hành án không vào sổ nhận bản án, quyết định của Tòa án và trả lại cho Tòa án.

+ Trường hợp đủ tài liệu kèm theo đúng như bản án, quyết định: Ký vào biên bản giao nhận với Tòa án, Trọng tài thương mại sau đó vào Sổ nhận bản án, quyết định.

Nếu nhận được bản án, quyết định và các tài liệu có liên quan bằng đường bưu điện thì lưu ý phải thông báo bằng văn bản cho Tòa án, Trọng tài thương mại đã chuyển giao biết.

* Vào sổ nhận bản án:

Sau khi đã kiểm tra và xét thấy đã đủ điều kiện để nhận bản án, quyết định do Tòa án, Trọng tài thương mại chuyển giao, cán bộ thi hành án phải vào sổ nhận bản án, quyết định theo mẫu số 01 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự. Sổ nhận bản án, quyết định phải ghi rõ số thứ tự, ngày tháng năm nhận bản án, quyết định; số, ngày, tháng, năm của bản án, quyết định và tên Tòa án, Trọng tài thương mại đã ra bản án, quyết định; tên, địa chỉ của đương sự và tài liệu khác có liên quan. Việc vào sổ nhận bản án, quyết định rất quan trọng vì nó là mốc thời gian để tính thời gian ra quyết định thi hành án. Trên thực tế có những trường hợp cán bộ được giao nhiệm vụ vào sổ đã không kịp thời vào sổ, do đó ảnh hưởng đến việc xác định thời hạn ra quyết định thi hành án đối với trường hợp chủ động ra quyết định thi hành án.

3.2.2. Kỹ năng phân tích bản án, quyết định

3.2.2.1. Phân tích phần mở đầu

Có thể thấy phần mở đầu của bản án cho chúng ta biết rất nhiều thông tin về nhân thân, hoàn cảnh của người phải thi hành án cũng như các vấn đề khác liên quan đến việc thi hành án. Đó là những vấn đề sau:

- Về cơ quan thi hành án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

Theo quy định của Luật THADS thì cơ quan THADS nơi Tòa án đã xét xử sơ thẩm có thẩm quyền ra quyết định thi hành án đối với bản án, quyết định đó. Cho nên, khi nhận bản án, quyết định của Tòa án, đầu tiên, cán bộ thụ lý cần chú ý góc bên trái, trên cùng, trang một của bản án, quyết định để xác định Tòa án nào đã tuyên bản án, quyết định đó. Đồng thời, phải xác định ngay đó là bản án, quyết định sơ thẩm hay phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Điều này cần căn cứ vào ký hiệu của bản án, quyết định đó (ví dụ DSST, DSPT). Các thao tác đó nhằm xác định xem cơ quan thi hành án mình có thẩm quyền thi hành án đối với bản án, quyết định đó không hay cơ quan thi hành án nơi khác.

- Vấn đề bản án, quyết định có hiệu lực thi hành chưa? Thời hiệu yêu cầu thi hành án còn hay không?

Như đã trình bày ở phần trên, cơ quan thi hành án dân sự chỉ ra quyết định thi hành án đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực thi hành. Cho nên, căn cứ vào phần mở đầu, cán bộ thụ lý phải xác định xem bản án, quyết định đó có hiệu lực thi hành hay chưa. Như vậy, phần chúng ta quan tâm là bản án “số...ngày...”. Ngày xét xử của bản án cho phép chúng ta xác định ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và từ đó xác định thời hiệu yêu cầu thi hành án.

Tuy nhiên, khi phân tích cán bộ thi hành án cũng cần lưu ý, nếu tính đến ngày tiếp nhận yêu cầu thi hành án mà vẫn còn thời hạn kháng cáo, kháng nghị đối với bản án, quyết định đó thì phải kiểm tra phần quyết định của bản án xem khoản yêu cầu thi hành án có phải là những khoản được thi hành ngay hay không. Hoặc trường hợp phần quyết định của bản án tuyên nghĩa vụ đến hạn hoặc nghĩa vụ theo định kỳ thì cán bộ thi hành án khi phân tích bản án, quyết định để xác định thời hiệu yêu cầu thi hành án cho chính xác.

- Về hoàn cảnh, địa chỉ của người phải thi hành án: khi nghiên cứu phần mở đầu của bản án, cán bộ thi hành án có thể hiểu biết sơ bộ về bản thân người phải thi hành án như nơi cư trú, địa chỉ, nghề nghiệp...từ đó có cách tiếp cận với họ cho phù hợp.

+ Xác định được nơi cư trú của người phải thi hành án để có thể tiến hành các thủ tục thông báo thi hành án đúng địa chỉ, tránh sự nhầm lẫn không đáng có. Đồng thời, xác định được nơi cư trú của người phải thi hành án sẽ là cơ sở để cơ quan thi hành án thực hiện việc ủy thác thi hành án, nếu cơ quan thi hành án đã ra quyết định thi hành án không có điều kiện thi hành án. Ngoài ra, nơi cư trú của người phải thi hành án giúp cán bộ thi hành án có thể hình dung được vị trí địa lý, giao thông ở địa bàn đó thuận lợi hay khó khăn, từ đó có kế hoạch chuẩn bị các phương án tổ chức cưỡng chế cần thiết.

+ Biết độ tuổi của người phải thi hành án, cán bộ thi hành án có thể chủ động được cách xưng hô trong giao tiếp.

+ Biết được trình độ văn hóa, tiền án, tiền sự của người phải thi hành án, cán bộ thi hành án có thể nắm được nhân thân của họ, từ đó có được phương án tiếp cận họ phù hợp.

+ Biết hoàn cảnh gia đình của người phải thi hành án để có thể tận dụng sự tác động của gia đình họ đối với họ, vì một lời khuyên của gia đình họ trong việc thi hành án có giá trị cao hơn nhiều sự giáo dục của những người khác. Đồng thời, hoàn cảnh của người phải thi hành án là cơ sở để cán bộ thi hành án định hướng việc xác minh tài sản của họ.

+ Nghề nghiệp của người phải thi hành án phần nào giúp cán bộ thi hành án có thể hình dung được tính cách, thu nhập của người phải thi hành án, từ đó có thể giúp chúng ta lựa chọn biện pháp cưỡng chế thích hợp. Ví dụ: người phải thi hành án là người có nghề nghiệp, được hưởng tiền lương, tiền công ổn định, có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế trừ vào thu nhập của người phải thi hành án...

+ Người phải thi hành án có người bảo vệ quyền lợi hoặc luật sư hay không? Rất nhiều trường hợp ở giai đoạn xét xử, đương sự nhờ luật sư thì ở giai đoạn thi hành án họ cũng nhờ luật sư, vì vậy, cán bộ thi hành án cần phải chuẩn bị phương án để giao tiếp với cả luật sư của họ, đồng thời, phải hết sức thận trọng trong việc vận dụng pháp luật để tổ chức thi hành vụ việc.

3.2.2.2. *Phân tích phần nội dung*

Nghiên cứu kỹ nội dung của bản án, quyết định, giúp chúng ta có thể hiểu tổng quát sự việc: Tòa án giải quyết vụ việc gì, tội danh nào, diễn biến của sự việc, sự việc xảy ra ở đâu, sự việc liên quan đến những ai, mối quan hệ của đương sự, thái độ của đương sự... Tất cả các thông tin đó giúp cán bộ làm công tác thi hành án có thể hiểu được bản chất của sự việc, về tính cách, thái độ của người phải thi hành án, từ đó chuẩn bị phương án tiếp cận đương sự tốt nhất nhằm giáo dục, thuyết phục đương sự tự nguyện thi hành án hoặc rút ngắn thời gian tự nguyện, đẩy nhanh quá trình thi hành án. Đồng thời, những thông tin này còn giúp thư ký thi hành án tham mưu cho Chấp hành viên chuẩn bị các phương án cần thiết bảo vệ cường chế thi hành án một cách tốt nhất, nếu giáo dục, thuyết phục đương sự không thành.

Đặc biệt phần nội dung của bản án, còn cho chúng ta biết về tình trạng tài sản, thu nhập của đương sự, họ có bất động sản không, tài sản chung, riêng của đương sự, tài sản của họ ở những nơi đâu...

3.2.2.3. *Phân tích phần quyết định*

Đây là phần quan trọng nhất trong bản án, đồng thời cũng là phần liên quan nhiều nhất đến hoạt động thi hành án. Khi nghiên cứu phần quyết định của bản án, quyết định cần phải làm rõ những nội dung sau đây:

- Phải xác định xem những khoản nào thuộc thẩm quyền thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự. Chẳng hạn, như đó là bản án hình sự, hành chính thì chúng ta chỉ quan tâm đến các quyết định về tài sản, án phí mà thôi.

- Xác định rõ những khoản nào thuộc trường hợp chủ động ra quyết định thi hành án, những khoản nào thuộc diện ra quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu.

- Đối với mỗi quyết định của bản án phải xác định rõ ai là người phải thi hành án, nghĩa vụ cụ thể của họ, ai là người được thi hành án.

3.3. Kết quả, hiệu quả của giải pháp

Giải pháp kỹ năng nhận và phân tích bản án, quyết định của Tòa án trong thi hành án dân sự giúp cán bộ làm công tác thi hành án dân sự (nhất là cán bộ thụ lý thi hành án) nắm được các bước, biện pháp và cách thức tổ chức để từ đó đề ra các giải pháp để giải quyết hồ sơ thi hành án. Ngoài ra, việc phân tích bản án, quyết định còn có vai trò trong việc định hướng các bước để vận động, thuyết phục đương sự tự nguyện thi hành án, góp phần giảm bớt thời gian thi hành án và rút gọn, cải cách thủ tục hành chính. Khi nắm bắt được toàn diện, tổng thể nội dung của bản án, quyết định, Chấp hành viên có thể hiểu rõ, chính xác về các nội dung đã tuyên, nếu chưa phù hợp, chính xác hoặc có sai sót để kịp thời tham mưu Lãnh đạo đơn vị có văn bản đề nghị Tòa án giải thích, đính chính.

3.4. Phạm vi tác dụng, ảnh hưởng của kết quả, hiệu quả mang lại

Hiện nay, vẫn còn tình trạng khi nhận và phân tích bản án, quyết định của Tòa án, cán bộ thi hành án còn lúng túng, chưa hiểu và có các biện pháp, cách thức để đọc nội dung và phân quyết định của bản án, chưa kịp thời phát hiện sai sót, nội dung tuyên chưa chính xác để tham mưu Thủ trưởng đơn vị đề nghị Tòa án giải thích, đính chính bản án. Giải pháp kỹ năng nhận và phân tích bản án, quyết định của Tòa án trong thi hành án dân sự có phạm vi tác dụng và ý nghĩa rất quan trọng - khâu đầu của giai đoạn thi hành án. Việc áp dụng các kỹ năng này vào thực tiễn tổ chức thi hành án sẽ mang lại những kết quả, hiệu quả tích cực. Bản thân tôi cùng Thẩm tra viên – cán bộ thụ lý của Cục THADS thành phố Hà Nội đã áp dụng các giải pháp trên vào quá trình làm việc và nhận thấy được chất lượng, hiệu quả của việc giải quyết hồ sơ vụ việc có liên quan.

TIÊU KẾT 3:

Tại chương 3, đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình ra quyết định thi hành án.

PHẦN KẾT LUẬN

Qua nội dung phân tích giải pháp “Kỹ năng nhận và phân tích bản án, quyết định trong thi hành án dân sự” cho thấy, việc phân tích toàn bộ bản án, quyết định giúp chúng ta nhìn nhận vụ việc một cách toàn diện. Sau khi đọc toàn bộ nội dung bản án, quyết định chúng ta sẽ rút ra được những kết luận có tính chất định hướng cho việc tổ chức thi hành án sau này. Việc phân tích bản án, quyết định có thể được thực hiện theo những cách thức và phương pháp khác nhau. Cán bộ làm công tác thi hành án có thể đọc toàn bộ bản án, quyết định cần so sánh đối chiếu các bản án, quyết định với nhau. Sau khi phân tích bản án, quyết định, cần lưu ý một số nội dung sau:

Thứ nhất, nếu có những sai sót về số liệu do tính toán sai, sai lỗi chính tả, nhầm lẫn số liệu, cán bộ thụ lý kịp thời tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị làm văn bản đề nghị Tòa án đã tuyên bản án, quyết định đó giải thích, đính chính bản án, quyết định. Nếu các sai lầm trong bản án, quyết định không thuộc trường hợp được giải thích (đó là các sai phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung như bỏ sót đương sự, áp dụng pháp luật nội dung không đúng...) thì cần kịp thời tham mưu Thủ trưởng đơn vị có văn bản kiến nghị với người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định đó theo thủ tục giám đốc thẩm.

Thứ hai, nếu bản án, quyết định không có vướng mắc gì, cán bộ làm công tác thi hành án cần nghiên cứu kỹ lại từng phần của bản án để xác định Tòa án giải quyết về việc gì? Tội gì? Nội dung sự việc? liên quan đến những ai, ở đâu... Những khoản nào thuộc thẩm quyền thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự, những khoản thuộc diện chủ động thi hành án và những khoản thuộc diện thi hành án theo yêu cầu. Đồng thời đối với mỗi khoản, cần phải xác định ai là người được thi hành án, ai là người phải thi hành án. Đặc biệt là thi hành bản án, quyết định phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Sự thận trọng này giúp chúng ta khai thác được hết những thông tin mà bản án, quyết định của Tòa án đã phản ánh.

Thứ ba, từ kết quả của việc phân tích bản án, quyết định, cán bộ thụ lý phải đưa ra được dự kiến phương án tổ chức thi hành án thích hợp như phương pháp tiếp cận, giáo dục, thuyết phục đương sự, dự liệu những biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án có thể áp dụng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật tố tụng dân sự 2015
2. Bộ luật tố tụng hình sự 2015
3. Bộ luật tố tụng hành chính 2015
4. Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.
5. Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;
6. Nghị định 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự.
7. Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định một số vấn đề về thu tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự.
8. Quy chế làm việc của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Trang web tham khảo

- 1, <https://luatminhkhue.vn/gioi-thieu-he-thong-co-quan-thi-hanh-an-dan-su-bo-tu-phap.aspx>
- 2, <https://thads.moj.gov.vn/hanoi/Pages/Trang-chu.aspx>
- 3, https://thads.moj.gov.vn/hanoi/noidung/tintuc/Lists/NghienCuuTraoDoi/View_Detail.aspx?ItemID=48
- 4, <https://123docz.net/document/4158329-tieu-luan-phan-thi-hanh-an-dan-su-theo-luat-2014.htm>
- 5, <https://123docz.net/document/283613-thu-tuc-thi-hanh-an-dan-su.htm>
- 6, <http://luanvan.co/luan-van/tieu-luan-thuc-tien-thi-hanh-an-dan-su-o-viet-nam-50500/>
- 7, <https://tailieumau.vn/luan-van-nang-cao-hieu-qua-thi-hanh-an-dan-su-hay/>

- 8, <https://kiemsat.vn/kiem-sat-viec-ra-quyet-dinh-tha-dan-su-thi-hanh-ban-an-quyet-dinh-hanh-chinh-46269.html>
- 9, <https://luatminhkhue.vn/nhung-ban-an-quyet-dinh-nao-duoc-thi-hanh-trong-thi-hanh-an-hinh-su.aspx>
- 10, <https://vksndtc.gov.vn/tintuc/Pages/lists.aspx?Cat=10&ItemID=1850>
- 11, <https://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/xa-hoi-hoa-thi-hanh-an-dan-su-den-dau-233682.htm>
- 12, <http://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/doi-moi-cong-tac-thi-hanh-an-dan-su-gop-phan-thuc-hien-thang-loi-nghi-quyet-dai-hoi-xiii-cua-dang.html>
- 13, <http://luatanninh.vn/vi/about/nhung-diem-moi-cua-luat-thi-hanh-an-dan-su>
- 14, <https://123docz.net/document/7451054-doi-moi-thu-tuc-thi-hanh-an-dan-su-viet-nam.htm>
- 15, <https://www.slideshare.net/trongthuy3/luan-van-thi-hanh-an-phat-tu-o-viet-nam-van-de-li-luan-va-thuc-tien>
- 16, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/hoan-thien-phap-luat-thi-hanh-an-dan-su-viet-nam-dap-ung-yeu-cau-cua-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-40-82068.htm>
- 17, <https://phapluatdansu.edu.vn/2021/07/11/22/20/hon-thien-phap-luat-thi-hanh-an-dan-su-viet-nam-dap-ung-yeu-cau-cua-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-4-0/>

MẪU GHI VÀ CHỐT SỔ NHẬN BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tư pháp)

STT	NGÀY, THÁNG, NĂM NHẬN BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH	NƠI CHUYỂN ĐẾN	BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH (Số; ngày, tháng, năm; của)	NGƯỜI ĐƯỢC THI HÀNH ÁN (Họ tên, địa chỉ)	NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN (Họ tên, địa chỉ)	LOẠI VIỆC (Dân sự, hình sự, KDTM ,...)	CÁC VĂN BẢN, GIẤY TỜ KÈM THEO	NGƯỜI NHẬN (Họ tên, địa chỉ, chữ ký)	NGƯỜI GIAO (Họ tên, địa chỉ, chữ ký)	GHI CHÚ
1	03/02/2019	TAND TP Hà Nội	18/2019/HSST		Nguyễn Hoàng Long (Ba Đình, HN)	HS	- Biên bản bàn giao vật chứng (Bản sao)			Ra QĐ
2										
...										
50	10/12/2019	TAND TP Hà Nội	05/QĐST- KDTM	Công ty TNHH MTV Ánh Sao Đêm		KT	- Biên lai thu tiền tạm ứng án phí (Bản sao)			Ra QĐ

Chốt sổ nhận án Quý I năm 2019

Tổng số Bản án, quyết định đã nhận: 50

Từ số 01 ngày 03/02/2019 đến số 50 ngày 10/12/2019

Trong đó: Hình sự: 25; Dân sự: 10; HNGĐ: 5; KDTM: 5

Hành chính: 02; Lao động: 01; Trọng tài: 02

- Ra Quyết định THA: 28

- Chờ BA phúc thẩm: 15

- CV đề nghị giải thích, bổ sung tài liệu: 05

- Đã ra QĐ THA trước khi nhận Bản án: 02

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ, họ tên, đóng dấu)

Hà Nội, ngày 31/12/2019

Người chốt sổ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

MẪU GHI VÀ CHỐT SỔ NHẬN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tư pháp)

STT	NGÀY NHẬN ĐƠN HOẶC TIẾP NHẬN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN	NGƯỜI YÊU CẦU THI HÀNH ÁN (Họ tên, địa chỉ)	NGƯỜI ĐƯỢC THI HÀNH ÁN (Họ tên, địa chỉ)	NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN (Họ tên, địa chỉ)	BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH (Số; ngày, tháng, năm; của)	NỘI DUNG YÊU CẦU THI HÀNH ÁN	TÀI LIỆU KÈM THEO	GHI CHÚ
1	01/10/2019	Trần Thanh Long	Trần Thanh Long (Ba Vì, Hà Nội)	Nguyễn Thế Trường (Chương Mỹ, HN)	34/2018/HSST ngày 11/01/2018 của TAND TP Hà Nội	Yêu cầu Nguyễn Thế Trường phải bồi thường 1.050.000.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án	Bản án số 34/2018/HSST ngày 11/01/2018 của TAND TP Hà Nội	CHV ... QĐTH A số...
...								
20	29/12/2019			Lê Văn Lai (Ba Đình,	95/2018/HSST ngày 15/9/2018 của TAND	Tự nguyện nộp 200.000 đồng án phí HSST	Bản án số 95/2018/HSST ngày 15/9/2018 của TAND	

				HN)	TP Hà Nội 85/2019/QĐPT ngày 01/03/2019 của TANDCC tại Hà Nội		TP Hà Nội Bản án số 85/2019/QĐPT ngày 01/03/2019 của TANDCC tại Hà Nội	
--	--	--	--	-----	---	--	--	--

Chốt sổ nhận yêu cầu thi hành án Quý I năm 2019

Tổng số yêu cầu thi hành án đã nhận: 20

Từ số 01 ngày 01/10/2019 đến số 20 ngày 29/12/2019

Trong đó: Chủ động: 16

Theo yêu cầu: 04

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ, họ tên, đóng dấu)

Hà Nội, ngày 31/12/2019

Người chốt sổ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

MẪU DANH SÁCH BÀN GIAO HỒ SƠ XONG

Hồ sơ xong tháng / năm

Tên Chấp hành viên:...

STT	Số thụ lý	Loại việc	Số QĐTHA (Ngày, tháng, năm)	Số Bản án, quyết định của Tòa án (Số; ngày, tháng, năm; của)	Tổng số bút lục	Người được thi hành án (Họ tên, địa chỉ)	Người phải thi hành án (Họ tên, địa chỉ)	Biện pháp giải quyết xong (Đình chỉ, ủy thác, thi hành xong)

Ngày tháng năm

CHẤP HÀNH VIÊN

THỤ LÝ

THẨM TRA

LƯU TRỮ

MẪU GHI VÀ CHỐT SỔ GIAO ÁN CHO CHẤP HÀNH VIÊN

STT	NGÀY GIAO QĐTHA	QĐTHA (Ngày, tháng, năm)		Bản án, Quyết định (Số; ngày, tháng, năm; của)	CHẤP HÀNH VIÊN TỔ CHỨC THI HÀNH	GHI CHÚ
		CHỦ ĐỘNG	THEO ĐƠN			
1	01/10/2019	01/QĐ- CTHADS 01/10/2019		386/2019/HSST ngày 11/9/2019 của TAND TP Hà Nội	Đào Thị Kim Tuyến	Chấp hành viên ký tên hoặc ghi chú những nội dung tay đổi

MẪU DANH SÁCH BÀN GIAO HỒ SƠ XONG GIỮA VĂN PHÒNG – PHÒNG THẨM TRA

(Kèm theo biên bản ngày tháng năm)

[illegible]

